

THÔNG BÁO

Kết quả đánh giá điểm rèn luyện HK I năm học 2024-2025 cho sinh viên

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-ĐHXDMT ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đại học hệ chính quy;

Căn cứ biên bản họp ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng đánh giá kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025 của sinh viên Trường Đại học Xây dựng Miền Trung.

Dựa trên kết quả tự đánh giá rèn luyện của sinh viên, cố vấn học tập, khoa quản lý sinh viên, các đơn vị thuộc Trường, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên. Hội đồng đánh giá kết quả điểm rèn luyện Nhà trường đã tiến hành họp xét và công nhận kết quả đánh giá điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025 cho sinh viên;

Nhà trường yêu cầu sinh viên có ý kiến phản hồi về kết quả đánh giá điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025 (có danh sách kèm theo) liên hệ về Phòng Công tác sinh viên để được hỗ trợ và giải quyết.

Lưu ý:

- Thời gian: hết ngày 05 tháng 03 năm 2025;
- Kết quả rèn luyện là cơ sở để xét học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, danh hiệu thi đua, dừng học, buộc thôi học và tốt nghiệp của sinh viên;
- Sinh viên có kết quả rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp buộc ngừng học ở học kỳ tiếp theo và xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ lần thứ hai bị buộc thôi học trong năm học tiếp theo.
- Sinh viên truy cập vào Website theo đường dẫn để kiểm tra:

<https://phongcongtacsinhvien.muce.edu.vn/>

Yêu cầu trưởng các đơn vị thuộc Trường, cố vấn học tập, lớp trưởng các lớp, sinh viên thực hiện đúng nội dung của thông báo này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (b/c);
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường;
- Đoàn thanh niên, Hội sinh viên;
- Cố vấn học tập, các lớp sinh viên;
- Niêm yết Website;
- Lưu VT, CTSV.

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC SV


★ Lê Trọng Hoài

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

(theo Quyết định số /QĐ-ĐHXĐMT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây Dựng Miền Trung)

KHOA XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TIẾN TRUNG LỚP

ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

	Sĩ số hiện tại	Xuất sắc	%	Tốt	%	Khá	%	TB	%	Yếu	%	Kém	%	Số SV được xét	Số SV chưa xét
1	D21XDK1	3	10.71%	15	53.57%	10	35.71%	0	0%	0	0%	0	0%	28	0
2	D21XDK2	2	4.88%	2	4.88%	15	36.59%	19	46.34%	3	7.32%	0	0%	41	0
3	D21XDK3	5	19.23%	3	11.54%	12	46.15%	6	23.08%	0	0%	0	0%	26	0
4	D21XDK4	2	8.7%	1	4.35%	4	17.39%	16	69.57%	0	0%	0	0%	23	0
5	D22XDK1	3	9.09%	4	12.12%	14	42.42%	12	36.36%	0	0%	0	0%	33	0
6	D22XDK2	3	8.57%	5	14.29%	9	25.71%	17	48.57%	0	0%	0	0%	34	1
7	D22XDK3	1	3.7%	3	11.11%	15	55.56%	8	29.63%	0	0%	0	0%	27	0
8	D22XDK4	1	3.85%	3	11.54%	11	42.31%	10	38.46%	0	0%	0	0%	25	1
9	D23XDK1	3	8.11%	3	8.11%	17	45.95%	13	35.14%	1	2.7%	0	0%	37	0
10	D23XDK2	0	0%	4	16.67%	7	29.17%	9	37.5%	4	16.67%	0	0%	24	0
11	D23XDK3	3	7.89%	4	10.53%	14	36.84%	17	44.74%	0	0%	0	0%	38	0
12	D23XDK4	0	0%	6	13.64%	11	25%	19	43.18%	8	18.18%	0	0%	44	0
13	D24XDK1	3	7.32%	2	4.88%	6	14.63%	20	48.78%	6	14.63%	0	0%	37	4
14	D24XDK2	0	0%	8	17.02%	18	38.3%	18	38.3%	0	0%	0	0%	44	3
15	D24XDK3	2	5%	3	7.5%	16	40%	19	47.5%	0	0%	0	0%	40	0
TỔNG CỘNG		31	6.08%	66	12.94%	179	35.1%	203	39.8%	22	4.31%	0	0%	501	9

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025
kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXDMT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	21DQ5802011194	Hồ Lê	Lai	77	Khá	D21XDK1	
2	21DQ5802011195	Phan Ngọc	Hào	85	Tốt	D21XDK1	
3	21DQ5802011196	Lê Thành	Đạt	94	Xuất sắc	D21XDK1	
4	21DQ5802011198	Trương Công	Truyền	86	Tốt	D21XDK1	
5	21DQ5802011206	Lê Bảo	Chấn	70	Khá	D21XDK1	
6	21DQ5802011208	Phạm Trọng	Đạt	82	Tốt	D21XDK1	
7	21DQ5802011210	Trần Tiến	Đạt	92	Xuất sắc	D21XDK1	
8	21DQ5802011211	Nguyễn Huỳnh Minh	Duy	79	Khá	D21XDK1	
9	21DQ5802011212	La Văn	Yên	82	Tốt	D21XDK1	
10	21DQ5802011214	Phạm Phúc	Hưng	89	Tốt	D21XDK1	
11	21DQ5802011215	Phạm Lê Thanh	Thúy	75	Khá	D21XDK1	
12	21DQ5802011218	Lê Quốc	Đạt	84	Tốt	D21XDK1	
13	21DQ5802011219	Nguyễn Thái	Nguyên	84	Tốt	D21XDK1	
14	21DQ5802011221	Tô Đình	Sy	79	Khá	D21XDK1	
15	21DQ5802011222	Phạm Hoàng	Phúc	81	Tốt	D21XDK1	
16	21DQ5802011225	Bùi Vương Trọng	Hiếu	86	Tốt	D21XDK1	
17	21DQ5802011226	Võ Xuân	Trãi	82	Tốt	D21XDK1	
18	21DQ5802011228	Nguyễn Văn	Việt	87	Tốt	D21XDK1	
19	21DQ5802011229	Trần Duy	Hùng	87	Tốt	D21XDK1	
20	21DQ5802011230	Trần Huỳnh Ngọc Quốc	Khánh	77	Khá	D21XDK1	
21	21DQ5802011231	Phạm Đức	Hiền	72	Khá	D21XDK1	
22	21DQ5802011234	Nguyễn Văn	Huy	90	Xuất sắc	D21XDK1	
23	21DQ5802011238	Nguyễn Quốc	Cường	82	Tốt	D21XDK1	
24	21DQ5802011239	Nguyễn Phi	Quỳnh	80	Tốt	D21XDK1	
25	21DQ5802011240	Hồ Văn	Huy	85	Tốt	D21XDK1	
26	21DQ5802011244	Trần Quốc	Vũ	77	Khá	D21XDK1	
27	21DQ5802011246	Nguyễn Tấn	Tài	67	Khá	D21XDK1	
28	21DQ5802011252	Nguyễn Song	Thắng	73	Khá	D21XDK1	

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025
kenn theo Quyết định số /QĐ-ĐHXDMT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	21DQ5802011004	Phan Văn	Sung	58	TB	D21XDK2	
2	21DQ5802011006	Trần Hoàng	Thử	61	TB	D21XDK2	
3	21DQ5802011012	Đinh Tiểu	Bảo	94	Xuất sắc	D21XDK2	
4	21DQ5802011016	Đoàn Văn	Khải	48	Yếu	D21XDK2	
5	21DQ5802011020	Phạm Văn	Nhân	67	Khá	D21XDK2	
6	21DQ5802011024	Huỳnh Văn	Minh	69	Khá	D21XDK2	
7	21DQ5802011025	Đỗ Khắc	Sinh	57	TB	D21XDK2	
8	21DQ5802011027	Hồ Minh	Đăng	51	TB	D21XDK2	
9	21DQ5802011030	Phạm Đình	Chương	61	TB	D21XDK2	
10	21DQ5802011037	Nguyễn Minh	Hiếu	58	TB	D21XDK2	
11	21DQ5802011040	Ngô Tự	Minh	84	Tốt	D21XDK2	
12	21DQ5802011044	Dương Thái	Tâm	74	Khá	D21XDK2	
13	21DQ5802011047	Đinh Hữu	Long	76	Khá	D21XDK2	
14	21DQ5802011048	Nguyễn Thanh	Trịnh	69	Khá	D21XDK2	
15	21DQ5802011049	Nguyễn Văn	Ý	67	Khá	D21XDK2	
16	21DQ5802011054	Nguyễn Đỗ Viết	Công	61	TB	D21XDK2	
17	21DQ5802011063	Lê Ngọc Minh	Hiển	58	TB	D21XDK2	
18	21DQ5802011064	Hoàng Ngọc Nhật	Cường	61	TB	D21XDK2	
19	21DQ5802011071	Lê Xuân	Thiên	58	TB	D21XDK2	
20	21DQ5802011075	Nguyễn Thành	Luân	79	Khá	D21XDK2	
21	21DQ5802011076	Nguyễn Phúc	Sang	76	Khá	D21XDK2	
22	21DQ5802011082	Trương Công	Huy	58	TB	D21XDK2	
23	21DQ5802011084	Lê Quốc	Anh	48	Yếu	D21XDK2	
24	21DQ5802011085	Lê Nguyễn Hoàng	Diệp	75	Khá	D21XDK2	
25	21DQ5802011087	Phạm Minh	Đức	66	Khá	D21XDK2	
26	21DQ5802011089	Phan Minh	Thiên	61	TB	D21XDK2	
27	21DQ5802011092	Nguyễn Trương Ngọc	Hiếu	65	Khá	D21XDK2	
28	21DQ5802011097	Phạm Hữu	Thắng	48	Yếu	D21XDK2	
29	21DQ5802011098	Nguyễn Đàm Quốc	Cường	61	TB	D21XDK2	
30	21DQ5802011101	Ngô Lê Anh	Kiệt	58	TB	D21XDK2	
31	21DQ5802011106	Nguyễn Đức	Tài	58	TB	D21XDK2	
32	21DQ5802011108	Phan Đức	Toàn	58	TB	D21XDK2	
33	21DQ5802011116	Ngô Võ Quang	Trường	90	Xuất sắc	D21XDK2	
34	21DQ5802011117	Đỗ Nhất	Huy	58	TB	D21XDK2	
35	21DQ5802011119	Nguyễn Đặng Thái	Dương	65	Khá	D21XDK2	
36	21DQ5802011122	Châu Thất Quốc	Cường	63	TB	D21XDK2	
37	21DQ5802011192	Võ Thị Diệu	Quỳnh	86	Tốt	D21XDK2	
38	21DQ5802011232	Nguyễn Ngọc	Thiện	58	TB	D21XDK2	
39	21DQ5802011901	Đoàn Công	Minh	67	Khá	D21XDK2	
40	21DQ5802011902	Nguyễn Hữu	Thực	65	Khá	D21XDK2	
41	21DQ5802011905	Phan Minh	Minh	71	Khá	D21XDK2	

XÂY

TRƯỜNG

ĐẠI HỌC

XÂY DỰNG

MIỀN TRUNG

ĐẠI HỌC

ĐẠI HỌC

ĐẠI HỌC

ĐẠI HỌC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXDMT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	21DQ5802011003	Đoàn Minh	Hoàng	75	Khá	D21XDK3	
2	21DQ5802011005	Trần Quốc	Ngãi	82	Tốt	D21XDK3	
3	21DQ5802011009	Nguyễn Minh	Tâm	96	Xuất sắc	D21XDK3	
4	21DQ5802011014	Nguyễn Văn	Sự	63	TB	D21XDK3	
5	21DQ5802011015	Trần Hoàng	Kiệt	72	Khá	D21XDK3	
6	21DQ5802011017	Võ Tấn	Tài	62	TB	D21XDK3	
7	21DQ5802011022	Trương Mạnh	Tài	61	TB	D21XDK3	
8	21DQ5802011026	Nguyễn Ngọc	Tiên	61	TB	D21XDK3	
9	21DQ5802011028	Châu Thanh	Tuấn	69	Khá	D21XDK3	
10	21DQ5802011035	Nguyễn Tấn	Tài	75	Khá	D21XDK3	
11	21DQ5802011043	Đỗ Thế	Tùng	68	Khá	D21XDK3	
12	21DQ5802011046	Trương Minh	Tuyền	69	Khá	D21XDK3	
13	21DQ5802011051	Nguyễn Anh	Việt	68	Khá	D21XDK3	
14	21DQ5802011053	Đỗ Kim	Trọng	71	Khá	D21XDK3	
15	21DQ5802011062	Hoàng Anh	Tuấn	90	Xuất sắc	D21XDK3	
16	21DQ5802011070	Nguyễn Thanh	Thảo	86	Tốt	D21XDK3	
17	21DQ5802011074	Hồ Nhật	Quang	80	Tốt	D21XDK3	
18	21DQ5802011081	Phạm Chí	Thành	68	Khá	D21XDK3	
19	21DQ5802011091	Huỳnh Tấn	Đạt	64	TB	D21XDK3	
20	21DQ5802011111	Huỳnh Văn	Lân	73	Khá	D21XDK3	
21	21DQ5802011121	Phan Văn	Hoàng	66	Khá	D21XDK3	
22	21DQ5802011143	Huỳnh Đức	Trọng	100	Xuất sắc	D21XDK3	
23	21DQ5802011144	Hồ Phúc	An	54	TB	D21XDK3	
24	21DQ5802011146	Trần Anh	Thiện	94	Xuất sắc	D21XDK3	
27	21DQ5802011155	Lê Minh	Thông	68	Khá	D21XDK3	
28	21DQ5802011156	Tổng Huỳnh Minh	Quân	100	Xuất sắc	D21XDK3	

XÂY
TRƯỜNG
XÂY DỰNG
MIỀN TRUNG

Mã SV

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXDMT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	21DQ5802011008	Nguyễn Bá	Tĩnh	82	Tốt	D21XDK4	
2	21DQ5802011010	Dương Huy	Tín	77	Khá	D21XDK4	
3	21DQ5802011033	Hoàng Kỳ	Anh	57	TB	D21XDK4	
4	21DQ5802011034	Nguyễn Hoàng	Đô	56	TB	D21XDK4	
5	21DQ5802011038	Nguyễn Duy	Thành	65	Khá	D21XDK4	
6	21DQ5802011158	Phạm Quốc	Đạt	61	TB	D21XDK4	
7	21DQ5802011163	Bùi Tấn	Tài	69	Khá	D21XDK4	
8	21DQ5802011165	Trương Phi	Hùng	66	Khá	D21XDK4	
9	21DQ5802011171	Huỳnh Văn	Lộc	100	Xuất sắc	D21XDK4	
10	21DQ5802011173	Đoàn Đức	Nghĩa	54	TB	D21XDK4	
11	21DQ5802011178	Nguyễn Trọng	Tài	61	TB	D21XDK4	
12	21DQ5802011180	Trần Quang	Phổ	59	TB	D21XDK4	
13	21DQ5802011185	Lê Minh	Hiển	60	TB	D21XDK4	
14	21DQ5802011187	Nguyễn Trường	Vũ	59	TB	D21XDK4	
15	21DQ5802011188	Lê Trung	Đan	100	Xuất sắc	D21XDK4	
16	21DQ5802011190	Nguyễn Hữu	Nguyên	54	TB	D21XDK4	
17	21DQ5802011205	Trần Vỹ	Đại	55	TB	D21XDK4	
18	21DQ5802011906	Phan Thanh	Thuận	61	TB	D21XDK4	
19	21DQ5802011907	Trần Ngọc	Vinh	51	TB	D21XDK4	
20	21DQ5802011908	Nguyễn Tùng	Khang	52	TB	D21XDK4	
21	21DQ5802011912	Tề Ngọc Hoài	Phong	52	TB	D21XDK4	
22	21DQ5802012004	Trần Tấn	Hùng	62	TB	D21XDK4	
23	21DQ5802013003	Trần Văn	Minh	56	TB	D21XDK4	

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025
(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXDMT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	22Q75802011008	Ngô Thanh	Triệu	57	TB	D22XDK1	
2	22Q75802011009	Đinh Trí	Trực	84	Tốt	D22XDK1	
3	22Q75802011022	Nguyễn Văn	Chương	86	Tốt	D22XDK1	
4	22Q75802011023	Võ Minh	Chương	75	Khá	D22XDK1	
5	22Q75802011026	Võ Quốc	Dũng	98	Xuất sắc	D22XDK1	
6	22Q75802011031	Nguyễn Xuân Hải	Đại	62	TB	D22XDK1	
7	22Q75802011034	Tạ Công	Đạt	78	Khá	D22XDK1	
8	22Q75802011035	Ngô Quang	Điền	57	TB	D22XDK1	
9	22Q75802011039	Đỗ Minh	Đức	98	Xuất sắc	D22XDK1	
10	22Q75802011040	Nguyễn Quỳnh Phi	Hải	78	Khá	D22XDK1	
11	22Q75802011042	Nguyễn Kim	Hi	58	TB	D22XDK1	
12	22Q75802011043	Cao Trung	Hiếu	65	Khá	D22XDK1	
13	22Q75802011049	Lương Văn	Hoàng	74	Khá	D22XDK1	
14	22Q75802011055	Trần Nhật	Huy	62	TB	D22XDK1	
15	22Q75802011057	Lê Ngọc	Hưng	67	Khá	D22XDK1	
16	22Q75802011064	Lê Duy	Khương	67	Khá	D22XDK1	
17	22Q75802011071	Đặng Bảo	Lộc	60	TB	D22XDK1	
18	22Q75802011074	Phan Dương	Lương	61	TB	D22XDK1	
19	22Q75802011075	Huỳnh Đức	Lưu	57	TB	D22XDK1	
20	22Q75802011076	Trần Anh	Minh	60	TB	D22XDK1	
21	22Q75802011077	Võ	Minh	62	TB	D22XDK1	
22	22Q75802011080	Nguyễn Công	Năng	84	Tốt	D22XDK1	
23	22Q75802011082	Đặng Huỳnh	Nguyên	67	Khá	D22XDK1	
24	22Q75802011096	Nguyễn Tấn	Quỳnh	78	Khá	D22XDK1	
25	22Q75802011098	Nguyễn Ngọc	Thạch	60	TB	D22XDK1	
26	22Q75802011100	Ngô Văn	Thành	65	Khá	D22XDK1	
27	22Q75802011105	Lê Hồng	Thịnh	65	Khá	D22XDK1	
28	22Q75802011107	Nguyễn Văn	Thịnh	90	Xuất sắc	D22XDK1	
29	22Q75802011108	Huỳnh	Thông	67	Khá	D22XDK1	
30	22Q75802011119	Trần Anh	Trị	67	Khá	D22XDK1	
31	22Q75802011121	Nguyễn Đăng	Trình	67	Khá	D22XDK1	
32	22Q75802011135	Phạm Văn	Thịnh	57	TB	D22XDK1	
33	22Q75802011136	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	88	Tốt	D22XDK1	

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025
(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXDMT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	22Q75802011001	Võ Trần Quốc	Duy	81	Tốt	D22XDK2	
2	22Q75802011004	Lê Hoàng	Phong	68	Khá	D22XDK2	
3	22Q75802011012	Trần Tiến	Đạt	89	Tốt	D22XDK2	
4	22Q75802011014	Nguyễn Nhật	Anh	60	TB	D22XDK2	
5	22Q75802011016	Nguyễn Minh	Bảo	60	TB	D22XDK2	
6	22Q75802011028	Ngô Đức	Duy	65	Khá	D22XDK2	
7	22Q75802011029	Phạm Khánh	Duy	57	TB	D22XDK2	
8	22Q75802011036	Trần Minh Anh	Đoan	68	Khá	D22XDK2	
9	22Q75802011037	Lê Dương	Đô	72	Khá	D22XDK2	
10	22Q75802011041	Hồ Xuân	Hậu	57	TB	D22XDK2	
11	22Q75802011047	Nguyễn Minh	Hoàng	87	Tốt	D22XDK2	
12	22Q75802011048	Huỳnh Thanh	Hoàng	62	TB	D22XDK2	
13	22Q75802011058	Lê Ngọc	Hung			D22XDK2	Bảo lưu
14	22Q75802011059	Lê Văn	Hung	96	Xuất sắc	D22XDK2	
15	22Q75802011061	Đào Minh	Khôi	57	TB	D22XDK2	
16	22Q75802011083	Nguyễn Ngọc	Nhân	60	TB	D22XDK2	
17	22Q75802011088	Phạm Ngọc	Phát	71	Khá	D22XDK2	
18	22Q75802011095	Võ Kim	Quyền	63	TB	D22XDK2	
19	22Q75802011102	Nguyễn Anh	Thi	59	TB	D22XDK2	
20	22Q75802011113	Nguyễn Trung	Tín	70	Khá	D22XDK2	
21	22Q75802011117	Nguyễn Phan Huyền	Trâm	67	Khá	D22XDK2	
22	22Q75802011127	Lê Huỳnh Duy	Tùng	83	Tốt	D22XDK2	
23	22Q75802011129	Hồ Thị Yến	Vi	93	Xuất sắc	D22XDK2	
24	22Q75802011130	Trương Chí	Vinh	70	Khá	D22XDK2	
25	22Q75802011134	Nguyễn Đào Thành	Thân	94	Xuất sắc	D22XDK2	
26	22Q75802011140	Trần Nguyên	Duy	60	TB	D22XDK2	
27	22Q75802011141	Nguyễn Phan Phú	Thiện	75	Khá	D22XDK2	
28	22Q75802011143	Nguyễn Văn	Huy	81	Tốt	D22XDK2	
29	22Q75802011144	Đoàn Trần Quốc	Huy	62	TB	D22XDK2	
30	22Q75802011145	Phạm Văn	Quang	60	TB	D22XDK2	
31	22Q75802011148	Huỳnh	Đức	60	TB	D22XDK2	
32	22Q75802011149	Phan Công	Tài	63	TB	D22XDK2	
33	22Q75802011150	Nguyễn Nhật	Tân	50	TB	D22XDK2	
34	22Q75802011162	Nguyễn Thành	Đạt	59	TB	D22XDK2	
35	22Q75802011172	Lê Quốc	Dũng	57	TB	D22XDK2	

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025
(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXDMT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

 TT Mã SV		Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	22Q75802011003	Phạm Lê Thanh	Hoàng	81	Tốt	D22XDK3	
2	22Q75802011011	Dương Quốc	Văn	72	Khá	D22XDK3	
3	22Q75802011019	Trần Đình	Cáp	63	TB	D22XDK3	
4	22Q75802011032	Trần Hữu	Đang	56	TB	D22XDK3	
5	22Q75802011078	Hồ Nguyễn Hoài	Nam	63	TB	D22XDK3	
6	22Q75802011086	Đinh Minh	Phát	70	Khá	D22XDK3	
7	22Q75802011089	Võ Ngọc	Phi	60	TB	D22XDK3	
8	22Q75802011090	Lê Thanh	Phuong	69	Khá	D22XDK3	
9	22Q75802011101	Lê Vũ	Thắng	68	Khá	D22XDK3	
10	22Q75802011104	Lê Đức	Thịnh	69	Khá	D22XDK3	
11	22Q75802011112	Nguyễn Ngọc	Tiên	79	Khá	D22XDK3	
12	22Q75802011116	Nguyễn Văn	Tính	66	Khá	D22XDK3	
13	22Q75802011122	Phạm Văn	Trọng	70	Khá	D22XDK3	
14	22Q75802011124	Hồ Văn	Trung	62	TB	D22XDK3	
15	22Q75802011125	Lê Văn	Trung	83	Tốt	D22XDK3	
16	22Q75802011170	Phạm Phi	Luân	67	Khá	D22XDK3	
17	22Q75802011173	Nguyễn Ngọc	Thiên	96	Xuất sắc	D22XDK3	
18	22Q75802011182	Lê Trung	Kiên	77	Khá	D22XDK3	
19	22Q75802011183	Nguyễn Thiên	Ân	77	Khá	D22XDK3	
20	22Q75802011185	Nguyễn Minh	Quân	70	Khá	D22XDK3	
21	22Q75802011186	Đỗ Lê	Nguyên	74	Khá	D22XDK3	
22	22Q75802013001	Hồ Tấn	Dũng	88	Tốt	D22XDK3	
23	22Q75802013002	Lê Đình	Khải	60	TB	D22XDK3	
24	22Q75802013003	Nguyễn Nhật	Luân	61	TB	D22XDK3	
25	22Q75802014012	Phan Ái	Phong	77	Khá	D22XDK3	
26	22Q75802014021	Lê Xuân	Trưởng	70	Khá	D22XDK3	
27	22Q75802014023	Huỳnh Thanh	Nhật	64	TB	D22XDK3	

XÂY
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
XÂY DỰNG
MIỀN TRUNG

Mã SV

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXDMT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	22Q75802011005	Huỳnh Văn	Quốc	58	TB	D22XDK4	
2	22Q75802011007	Đặng Văn	Tiền	73	Khá	D22XDK4	
3	22Q75802011025	Huỳnh Đức	Dục	54	TB	D22XDK4	
4	22Q75802011038	Lưu Duy	Đông			D22XDK4	Mới vào học
5	22Q75802011063	Nguyễn Trọng	Khôi	93	Xuất sắc	D22XDK4	
6	22Q75802011069	Lê Anh	Kiệt	75	Khá	D22XDK4	
7	22Q75802011070	Phạm Lê Mỹ	Linh	75	Khá	D22XDK4	
8	22Q75802011093	Lê Thanh	Quyền	65	Khá	D22XDK4	
9	22Q75802011106	Nguyễn Gia	Thịnh	58	TB	D22XDK4	
10	22Q75802011115	Đặng Văn	Tính	71	Khá	D22XDK4	
11	22Q75802011118	Đỗ Thanh	Trí	72	Khá	D22XDK4	
12	22Q75802011151	Nguyễn Đình	Bình	55	TB	D22XDK4	
13	22Q75802011153	Huỳnh Thanh	Hội	82	Tốt	D22XDK4	
14	22Q75802011155	Huỳnh Quốc	Thái	77	Khá	D22XDK4	
15	22Q75802011156	Trương Tấn	Cường	56	TB	D22XDK4	
16	22Q75802011158	Lê Trí	Trung	70	Khá	D22XDK4	
17	22Q75802011159	Nguyễn Quang	Định	88	Tốt	D22XDK4	
18	22Q75802011160	Phạm Ngọc	Thuận	58	TB	D22XDK4	
19	22Q75802011161	Nguyễn Duy	Hưng	70	Khá	D22XDK4	
20	22Q75802011163	Nguyễn Thanh	Nam	56	TB	D22XDK4	
21	22Q75802011165	Đặng Xuân	Quyển	58	TB	D22XDK4	
22	22Q75802011167	Nguyễn Thế	Huy	82	Tốt	D22XDK4	
23	22Q75802011174	Lê Quỳnh	Tư	60	TB	D22XDK4	
24	22Q75802011175	Lê Quí	Đô	61	TB	D22XDK4	
25	22Q75802011190	Nguyễn Thành	Đạt	65	Khá	D22XDK4	
26	22Q75802011191	Nguyễn Ngọc	Hiệp	65	Khá	D22XDK4	

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025
(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXDMT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	23Q75802011009	Huỳnh Văn	Cửu	63	TB	D23XDK1	
2	23Q75802011011	Lê Anh	Duẩn	98	Xuất sắc	D23XDK1	
3	23Q75802011016	Võ Hữu	Đang	76	Khá	D23XDK1	
4	23Q75802011021	Võ Quang	Đạt	67	Khá	D23XDK1	
5	23Q75802011025	Phạm Chí	Đức	80	Tốt	D23XDK1	
6	23Q75802011026	Phạm Minh	Đức	94	Xuất sắc	D23XDK1	
7	23Q75802011027	Lê Hồng	Hải	72	Khá	D23XDK1	
8	23Q75802011035	Lê Văn	Hòa	61	TB	D23XDK1	
9	23Q75802011041	Nguyễn Minh	Học	77	Khá	D23XDK1	
10	23Q75802011044	Trần Quốc	Hùng	55	TB	D23XDK1	
11	23Q75802011046	Hà Minh	Huy	52	TB	D23XDK1	
12	23Q75802011058	Trần Nam	Khánh	55	TB	D23XDK1	
13	23Q75802011067	Huỳnh Tuấn	Kiệt	66	Khá	D23XDK1	
14	23Q75802011068	Nguyễn Tuấn	Kiệt	62	TB	D23XDK1	
15	23Q75802011087	Võ Ngọc	Nhật	73	Khá	D23XDK1	
16	23Q75802011090	Nguyễn Lưu Tấn	Phát	66	Khá	D23XDK1	
17	23Q75802011094	Nguyễn Hữu Thiên	Phước	62	TB	D23XDK1	
18	23Q75802011101	Nguyễn Ngọc	Son	62	TB	D23XDK1	
19	23Q75802011104	Ngô Thanh	Tâm	52	TB	D23XDK1	
20	23Q75802011105	Huỳnh Minh	Thái	84	Tốt	D23XDK1	
21	23Q75802011110	Nguyễn Hữu	Thắng	77	Khá	D23XDK1	
22	23Q75802011117	Lê Tấn	Thuận	78	Khá	D23XDK1	
23	23Q75802011119	Phạm Đức	Tiền	71	Khá	D23XDK1	
24	23Q75802011123	Nguyễn Trí	Tín	68	Khá	D23XDK1	
25	23Q75802011124	Lương Thanh	Tĩnh	73	Khá	D23XDK1	
26	23Q75802011126	Phạm Minh	Toàn	76	Khá	D23XDK1	
27	23Q75802011128	Huỳnh Trung	Tri	65	Khá	D23XDK1	
28	23Q75802011135	Võ Xuân	Trường	68	Khá	D23XDK1	
29	23Q75802011141	Đoàn Nguyễn Thanh	Tuấn	69	Khá	D23XDK1	
30	23Q75802011144	Võ Minh	Tuấn	52	TB	D23XDK1	
31	23Q75802011146	Nguyễn Ngọc	Tùng	49	Yếu	D23XDK1	
32	23Q75802011147	Nguyễn Anh	Văn	92	Xuất sắc	D23XDK1	
33	23Q75802011152	Phan Thành	Vinh	78	Khá	D23XDK1	
34	23Q75802011156	Bùi Kim	Xuân	82	Tốt	D23XDK1	
35	23Q75802011157	Huỳnh Cao Việt	Ý	52	TB	D23XDK1	
36	23Q75802011158	Hà Kim	Phong	52	TB	D23XDK1	
37	23Q75802011164	Võ Quốc	Việt	52	TB	D23XDK1	

XÂY
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
XÂY DỰNG
MIỀN TRUNG

QUỐC
ĐẠI

Mã SV

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXDMT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	23Q75802011004	Lê Quốc	Bảo	89	Tốt	D23XDK2	
2	23Q75802011012	Nguyễn Tấn	Dũng	79	Khá	D23XDK2	
3	23Q75802011018	Huỳnh Tiến	Đạt	52	TB	D23XDK2	
4	23Q75802011036	Huỳnh Nguyên	Hóa	68	Khá	D23XDK2	
5	23Q75802011043	Nguyễn Văn Sơn	Hùng	53	TB	D23XDK2	
6	23Q75802011047	Huỳnh Quang	Huy	82	Tốt	D23XDK2	
7	23Q75802011054	Đỗ Bảo	Khang	48	Yếu	D23XDK2	
9	23Q75802011059	Trần Nguyên	Khánh	49	Yếu	D23XDK2	
10	23Q75802011063	Phạm Đăng	Khôi	57	TB	D23XDK2	
11	23Q75802011064	Nguyễn Đông	Khuê	50	TB	D23XDK2	
12	23Q75802011074	Trương Huỳnh	Lực	39	Yếu	D23XDK2	
13	23Q75802011075	Trần Công	Lý	80	Tốt	D23XDK2	
14	23Q75802011083	Lê Vũ Trọng	Nghĩa	70	Khá	D23XDK2	
15	23Q75802011085	Võ Huỳnh	Nguyên	67	Khá	D23XDK2	
16	23Q75802011088	Dương Tấn	Nhon	52	TB	D23XDK2	
17	23Q75802011089	Liễu Trường	Phát	48	Yếu	D23XDK2	
18	23Q75802011093	Võ Hồng	Phúc	56	TB	D23XDK2	
19	23Q75802011095	Đinh Nhật	Phương	64	TB	D23XDK2	
20	23Q75802011125	Nguyễn Ngọc Anh	Toàn	73	Khá	D23XDK2	
21	23Q75802011149	Nguyễn Văn	Việt	67	Khá	D23XDK2	
22	23Q75802011162	Nguyễn Phúc	Đồng	60	TB	D23XDK2	
23	23Q75802011170	Nguyễn Quốc	Cường	66	Khá	D23XDK2	
24	23Q75802011189	Nguyễn Mai Cao	Nguyên	59	TB	D23XDK2	
25	23Q75802011195	Y- Hùng	Hlống	83	Tốt	D23XDK2	

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXDMT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	23Q75802011013	Lê Thanh	Duy	82	Tốt	D23XDK3	
2	23Q75802011014	Lê Đăng An	Dưỡng	65	Khá	D23XDK3	
3	23Q75802011017	Đỗ Võ Tiến	Đạt	60	TB	D23XDK3	
4	23Q75802011022	Trần Nguyên Hoàng	Đăng	60	TB	D23XDK3	
5	23Q75802011030	Trần Nhĩ	Hào	64	TB	D23XDK3	
6	23Q75802011032	Nguyễn Văn	Hiền	62	TB	D23XDK3	
7	23Q75802011038	Trần Tấn	Hoàn	71	Khá	D23XDK3	
8	23Q75802011039	Đào Nguyễn Huy	Hoàng	61	TB	D23XDK3	
9	23Q75802011048	Nguyễn Anh	Huy	81	Tốt	D23XDK3	
10	23Q75802011049	Nguyễn Tấn	Huy	65	Khá	D23XDK3	
11	23Q75802011050	Nguyễn Văn	Huy	67	Khá	D23XDK3	
12	23Q75802011053	Huỳnh Văn	Khải	65	Khá	D23XDK3	
13	23Q75802011055	Võ Đăng	Khang	81	Tốt	D23XDK3	
14	23Q75802011079	Hà Văn	Nam	60	TB	D23XDK3	
15	23Q75802011080	Nguyễn Hoài	Nam	57	TB	D23XDK3	
16	23Q75802011081	Tạ Võ Nhật	Nam	68	Khá	D23XDK3	
17	23Q75802011082	Trần Nhất	Nam	60	TB	D23XDK3	
18	23Q75802011084	Đặng Ngọc Bình	Nguyên	77	Khá	D23XDK3	
19	23Q75802011086	Nguyễn Duy	Nhật	60	TB	D23XDK3	
20	23Q75802011092	Đoàn Hoàng	Phúc	92	Xuất sắc	D23XDK3	
21	23Q75802011100	Nguyễn Thế	Siêu	73	Khá	D23XDK3	
22	23Q75802011106	Trần Tấn	Thái	65	Khá	D23XDK3	
23	23Q75802011116	Ngô Xuân	Thọ	65	Khá	D23XDK3	
24	23Q75802011122	Nguyễn Anh	Tin	65	Khá	D23XDK3	
25	23Q75802011130	Dương Kim	Trung	73	Khá	D23XDK3	
26	23Q75802011131	Nguyễn Chí	Trung	92	Xuất sắc	D23XDK3	
27	23Q75802011139	Nguyễn Minh	Tuân	60	TB	D23XDK3	
28	23Q75802011143	Trần Đức	Tuấn	60	TB	D23XDK3	
29	23Q75802011148	Đoàn Quốc	Việt	63	TB	D23XDK3	
30	23Q75802011155	Tường Trường	Vũ	84	Tốt	D23XDK3	
31	23Q75802011159	Trần Võ Tấn	Dũng	73	Khá	D23XDK3	
32	23Q75802011160	Lưu Quốc	Toàn	57	TB	D23XDK3	
33	23Q75802011161	Đặng Văn	Toán	60	TB	D23XDK3	
34	23Q75802011193	Phan Xuân	Trường	63	TB	D23XDK3	
35	23Q75802011194	Hoàng Trung	Kiên	94	Xuất sắc	D23XDK3	
36	23Q75802013002	Phạm Tiến	Lộc	57	TB	D23XDK3	
37	23Q75802015002	Ngô Tân	Vàng	60	TB	D23XDK3	
38	23Q75802016001	Trần Đình	Thọ	65	Khá	D23XDK3	

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXDMT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	23Q75802011008	Nguyễn Quốc	Cường	65	Khá	D23XDK4	
2	23Q75802011010	Lê Thành	Dinh	65	Khá	D23XDK4	
3	23Q75802011024	Lê Huỳnh	Đức	82	Tốt	D23XDK4	
4	23Q75802011031	Đoàn Tấn	Hậu	70	Khá	D23XDK4	
5	23Q75802011042	Trần Đoàn	Huân	44	Yếu	D23XDK4	
6	23Q75802011045	Cao Nhật	Huy	63	TB	D23XDK4	
7	23Q75802011066	Trương Đăng Thế	Kiên	63	TB	D23XDK4	
8	23Q75802011069	Nguyễn Võ Bảo	Kim	75	Khá	D23XDK4	
9	23Q75802011096	Lương Tấn	Pin	64	TB	D23XDK4	
10	23Q75802011108	Hồ Đức	Thắng	58	TB	D23XDK4	
11	23Q75802011109	Hồ Viết	Thắng	58	TB	D23XDK4	
12	23Q75802011113	Bạch Nguyễn Phước	Thân	75	Khá	D23XDK4	
13	23Q75802011140	Phạm Kim	Tuân	74	Khá	D23XDK4	
14	23Q75802011154	Nguyễn Minh	Vũ	74	Khá	D23XDK4	
15	23Q75802011163	Trương Văn	Tiến	68	Khá	D23XDK4	
16	23Q75802011165	Đình Hoài	Duy	62	TB	D23XDK4	
17	23Q75802011168	Nguyễn Quốc	Thịnh	60	TB	D23XDK4	
18	23Q75802011169	Phùng Nhật	Vĩnh	44	Yếu	D23XDK4	
19	23Q75802011171	Lưu Nguyễn Kim	Khoa	70	Khá	D23XDK4	
20	23Q75802011172	Huỳnh Anh	Khoa	60	TB	D23XDK4	
21	23Q75802011173	Nguyễn Phan Tổ	Như	74	Khá	D23XDK4	
22	23Q75802011174	Lương Quốc	Huy	44	Yếu	D23XDK4	
23	23Q75802011175	Nguyễn Ngọc	Sự	85	Tốt	D23XDK4	
24	23Q75802011176	Tạ Tuấn	Phong	60	TB	D23XDK4	
25	23Q75802011178	Nguyễn Thanh	Diễn	63	TB	D23XDK4	
26	23Q75802011180	Trần Tấn	Đạt	50	TB	D23XDK4	
27	23Q75802011181	Nguyễn Đình	Huy	61	TB	D23XDK4	
28	23Q75802011183	Nguyễn Hiếu	Nho	80	Tốt	D23XDK4	
29	23Q75802011184	Nguyễn Tiến	Lập	80	Tốt	D23XDK4	
30	23Q75802011186	Nguyễn Ngọc	Minh	63	TB	D23XDK4	
31	23Q75802011187	Bùi Đức	Khang	55	TB	D23XDK4	
32	23Q75802011188	Ngô Văn	Quang	59	TB	D23XDK4	
33	23Q75802011190	Ngô Ngọc	Hiếu	44	Yếu	D23XDK4	
34	23Q75802011191	Lê Đức	Toàn	58	TB	D23XDK4	
35	23Q75802011192	Nguyễn Xuân	Lâm	58	TB	D23XDK4	
36	23Q75802011197	Nguyễn Thế	Cường	44	Yếu	D23XDK4	
37	23Q75802011198	Trương Ngọc	Tú	44	Yếu	D23XDK4	
38	23Q75802011200	Đào Công	Khải	61	TB	D23XDK4	
39	23Q75802011201	Trần Văn	Bảo	44	Yếu	D23XDK4	
40	23Q75802011202	Lê Tự Hoàng	Khanh	71	Khá	D23XDK4	
41	23Q75802013001	Huỳnh Thị Kim	Chi	83	Tốt	D23XDK4	
42	23Q75802013003	Trần Bảo	Phúc	60	TB	D23XDK4	
43	23Q75802016002	Lê Vỹ	Cường	84	Tốt	D23XDK4	
44	23Q75802016206	Phan Phùng Trọng	Tiên	47	Yếu	D23XDK4	

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXDMT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	24Q75802011005	Lê Viết	Hiếu	51	TB	D24XDK1	
2	24Q75802011006	Nguyễn Đức	Huy	93	Xuất sắc	D24XDK1	
3	24Q75802011013	Trần Quốc	Nghĩa	50	TB	D24XDK1	
4	24Q75802011019	Nguyễn Thành	Tuấn			D24XDK1	Nhập học muộn
6	24Q75802011031	Nguyễn Hoàng Quốc	Việt	46	Yếu	D24XDK1	
7	24Q75802011036	Đặng Hải	Dương	44	Yếu	D24XDK1	
8	24Q75802011041	Võ Xuân	Hỷ	45	Yếu	D24XDK1	
9	24Q75802011045	Nguyễn Hoàn Gia	Bảo	84	Tốt	D24XDK1	
10	24Q75802011046	Nguyễn Võ Văn	Thịnh	48	Yếu	D24XDK1	
11	24Q75802011053	Lê Phúc	Tiến	45	Yếu	D24XDK1	
12	24Q75802011054	Trần Minh	Thành	76	Khá	D24XDK1	
13	24Q75802011061	Phan Công	Minh	50	TB	D24XDK1	
14	24Q75802011064	Trương Quốc	Khánh	62	TB	D24XDK1	
15	24Q75802011065	Nguyễn Quốc	Bảo	77	Khá	D24XDK1	
16	24Q75802011070	Trần Nguyễn Hoàng	Huy	58	TB	D24XDK1	
17	24Q75802011073	Nguyễn Ngọc	Thái	92	Xuất sắc	D24XDK1	
18	24Q75802011074	Nguyễn Anh	Tài	50	TB	D24XDK1	
19	24Q75802011075	Lê Phương	Đình			D24XDK1	Nhập học muộn
20	24Q75802011077	Võ Ngọc	Trọng			D24XDK1	Nhập học muộn
21	24Q75802011078	Trần Bảo	Khôi	53	TB	D24XDK1	
22	24Q75802011082	Nguyễn Đặng Quang	Vinh	54	TB	D24XDK1	
23	24Q75802011086	Trương Anh	Hào	59	TB	D24XDK1	
24	24Q75802011094	Lê Xuân	Thắng	50	TB	D24XDK1	
25	24Q75802011098	Lê Minh	Đặng	91	Xuất sắc	D24XDK1	
26	24Q75802011102	Nguyễn Công	Hưng	86	Tốt	D24XDK1	
27	24Q75802011106	Nguyễn Huy	Tiếp	77	Khá	D24XDK1	
28	24Q75802011110	Nguyễn Dương Huy	Hoàng	66	Khá	D24XDK1	
29	24Q75802011114	Bùi Duy	Phương	69	Khá	D24XDK1	
30	24Q75802011118	Phạm Gia	Huy	50	TB	D24XDK1	
31	24Q75802011120	Tô Gia	Phong	50	TB	D24XDK1	
32	24Q75802011125	Võ Đức	Trần	60	TB	D24XDK1	
33	24Q75802011152	Nguyễn Khánh	Duy	52	TB	D24XDK1	
34	24Q75802011170	Lê Hoàn	Huy	50	TB	D24XDK1	
35	24Q75802011175	Trần Lâm Nhất	Tự	41	Yếu	D24XDK1	
36	24Q75802011181	Trần Minh Quốc	Hội	50	TB	D24XDK1	
37	24Q75802011197	Nguyễn Vũ	Duy	75	Khá	D24XDK1	
38	24Q75802011204	Trần Gia	Bảo			D24XDK1	Nhập học muộn
39	24Q75802011206	Nguyễn Huỳnh Minh	Triết	62	TB	D24XDK1	
40	24Q75802011207	Hồ Vĩnh	Hưng	52	TB	D24XDK1	
41	24Q75802011211	Ngô Văn	Lộc	59	TB	D24XDK1	
42	24Q75802011212	Huỳnh Quý	Đức	50	TB	D24XDK1	

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025
kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXDMT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	24Q75802011007	Nguyễn Thành	Huy	70	Khá	D24XDK2	
2	24Q75802011008	Nguyễn Văn	Kiệt	50	TB	D24XDK2	
3	24Q75802011010	Nguyễn Trần Hữu	Lâm	53	TB	D24XDK2	
4	24Q75802011012	Võ Ngọc	Nam	81	Tốt	D24XDK2	
5	24Q75802011016	Huỳnh Tấn	Thành	63	TB	D24XDK2	
6	24Q75802011028	Trần Gia	Huy	65	Khá	D24XDK2	
7	24Q75802011030	Nguyễn Ngọc Minh	Thắng	81	Tốt	D24XDK2	
8	24Q75802011034	Lê Thành	Trọng	59	TB	D24XDK2	
9	24Q75802011035	Ung Trọng	Tuấn	66	Khá	D24XDK2	
10	24Q75802011042	Huỳnh Học	Vấn	80	Tốt	D24XDK2	
11	24Q75802011043	Nguyễn Thành	Khôi	52	TB	D24XDK2	
13	24Q75802011048	Lê Ngọc Giang	Châu	56	TB	D24XDK2	
14	24Q75802011049	Trương Duy	Vũ	62	TB	D24XDK2	
15	24Q75802011050	Phạm Công	Hồi	79	Khá	D24XDK2	
16	24Q75802011051	Nguyễn Tiến	Đạt	62	TB	D24XDK2	
17	24Q75802011052	Trần Hoàng	Hải	67	Khá	D24XDK2	
18	24Q75802011056	Trần Võ Anh	Kiệt	50	TB	D24XDK2	
19	24Q75802011059	Ngô Đặng	Thường	87	Tốt	D24XDK2	
20	24Q75802011060	Hồ Quốc	Trường	78	Khá	D24XDK2	
21	24Q75802011062	Tạ Kiều Hưng	Duy	64	TB	D24XDK2	
22	24Q75802011066	Nguyễn Bá	Khiêm	72	Khá	D24XDK2	
23	24Q75802011067	Phạm Trọng	Ân	66	Khá	D24XDK2	
24	24Q75802011071	Nguyễn Tuấn	An	65	Khá	D24XDK2	
25	24Q75802011072	Nguyễn Khắc	Sum	52	TB	D24XDK2	
26	24Q75802011079	Đỗ Thành	Đức	57	TB	D24XDK2	
27	24Q75802011080	Phạm Quang Gia	Thuy	52	TB	D24XDK2	
28	24Q75802011084	Lê Minh	Tân	81	Tốt	D24XDK2	
29	24Q75802011085	Đinh Kim	Hân	67	Khá	D24XDK2	
30	24Q75802011092	Đặng Thái	Hòa	55	TB	D24XDK2	
31	24Q75802011093	Phan Văn	Việt	61	TB	D24XDK2	
33	24Q75802011100	Phùng Lê Quang	Trung	61	TB	D24XDK2	
34	24Q75802011101	Nguyễn Lê Quốc	Việt	67	Khá	D24XDK2	
35	24Q75802011108	Trần Minh	Khải	66	Khá	D24XDK2	
36	24Q75802011109	Trần Thành	Trung	66	Khá	D24XDK2	
37	24Q75802011115	Võ Đình	Hùng	80	Tốt	D24XDK2	
38	24Q75802011116	Phan Hoài	Anh	81	Tốt	D24XDK2	

39	24Q75802011124	Nguyễn Ngọc	Dương	75	Khá	D24XDK2	
40	24Q75802011141	Huỳnh Hoàng	Duy	72	Khá	D24XDK2	
41	24Q75802011145	Trần Minh	Đạt	69	Khá	D24XDK2	
42	24Q75802011149	Nguyễn Thành	Công	60	TB	D24XDK2	
43	24Q75802011153	Nguyễn Thanh	Hải	69	Khá	D24XDK2	
44	24Q75802011159	Nguyễn Văn	Khoa	68	Khá	D24XDK2	
45	24Q75802011184	Trần Ngọc	Quý	88	Tốt	D24XDK2	
46	24Q75802011185	Lương Minh	Trương			D24XDK2	Nhập học lại
47	24Q75802011210	Lê Thành	An	63	TB	D24XDK2	
48	24Q75802011213	Hà Phạm Phúc	Hung			D24XDK2	Nhập học muộn
49	24Q75802011215	Nguyễn Quốc	Vinh			D24XDK2	Nhập học muộn

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025
kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXDMT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT		Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	24Q75802011020	Trần Quốc	Việt	73	Khá	D24XDK3	
2	24Q75802011025	Huỳnh Hà Quốc	Thái	68	Khá	D24XDK3	
4	24Q75802011038	Nguyễn Đăng	Khoa	57	TB	D24XDK3	
5	24Q75802011039	Bùi Anh	Thế	70	Khá	D24XDK3	
6	24Q75802011040	Lâm Phi	Khang	57	TB	D24XDK3	
7	24Q75802011058	Nguyễn Hoàng	Luân	57	TB	D24XDK3	
8	24Q75802011068	Dương Quốc	Đô	66	Khá	D24XDK3	
9	24Q75802011076	Nguyễn Trọng	Nhân	66	Khá	D24XDK3	
10	24Q75802011083	Huỳnh Quốc	Thắng	66	Khá	D24XDK3	
11	24Q75802011087	Nguyễn Thái	Hào	57	TB	D24XDK3	
12	24Q75802011088	Trần Hạo	Thiên	57	TB	D24XDK3	
13	24Q75802011089	Đặng Anh	Tuấn	85	Tốt	D24XDK3	
14	24Q75802011090	Vương Lê Tuấn	Kiệt	78	Khá	D24XDK3	
15	24Q75802011091	Võ Công	Thịnh	71	Khá	D24XDK3	
16	24Q75802011096	Phan Minh	Hiếu	83	Tốt	D24XDK3	
17	24Q75802011097	Phan Tấn	Thiện	75	Khá	D24XDK3	
18	24Q75802011103	Phan Ngọc	Dũng	66	Khá	D24XDK3	
19	24Q75802011104	Nguyễn Huỳnh Bá	Duy	66	Khá	D24XDK3	
20	24Q75802011105	Lê Anh	Tuấn	73	Khá	D24XDK3	
22	24Q75802011112	Trần Anh	Kiệt	57	TB	D24XDK3	
23	24Q75802011113	Võ Chí	Vỹ	57	TB	D24XDK3	
24	24Q75802011117	Lê Phú	Vinh	95	Xuất sắc	D24XDK3	
25	24Q75802011119	Nguyễn Gia	Hùng	68	Khá	D24XDK3	
26	24Q75802011121	Đinh Hồng	Son	97	Xuất sắc	D24XDK3	
27	24Q75802011122	Nguyễn Kim	Hải	76	Khá	D24XDK3	
28	24Q75802011123	Lý Gia	Khang	66	Khá	D24XDK3	
29	24Q75802011148	Mai Thế	Bảo	71	Khá	D24XDK3	
30	24Q75802011160	Nguyễn Hữu	Lập	57	TB	D24XDK3	
31	24Q75802011171	Nguyễn Duy	Khánh	59	TB	D24XDK3	
32	24Q75802011172	Huỳnh Thanh	Phong	54	TB	D24XDK3	
33	24Q75802011182	Phan Thành	Nhân	62	TB	D24XDK3	
34	24Q75802011187	Huỳnh Thái	Bình	57	TB	D24XDK3	
35	24Q75802011193	Phạm Ngọc	Tuấn	57	TB	D24XDK3	
37	24Q75802011195	Lê Bảo	Hoàng	57	TB	D24XDK3	
39	24Q75802011199	Lê Văn	Hòa	57	TB	D24XDK3	
40	24Q75802011200	Đinh Ngọc	Hung	87	Tốt	D24XDK3	
41	24Q75802011201	Nguyễn Nhật	Tân	57	TB	D24XDK3	
42	24Q75802011208	Phan Văn	Trung	54	TB	D24XDK3	
43	24Q75802011209	Lê Nhật	Khoa	54	TB	D24XDK3	
44	24Q75802011214	Võ Văn	Thiên	57	TB	D24XDK3	

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025
năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây Dựng Miền Trung)

Kiểm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXD/MT ngày tháng năm

KHOA KINH TẾ & QLXD

Sĩ số hiện tại		Xuất sắc	%	Tốt	%	Khá	%	TB	%	Yếu	%	Kém	%	Số SV được xét	Số SV chưa xét
1	D21KDC1	4	10.26%	10	25.64%	19	48.72%	6	15.38%	0	0%	0	0%	39	0
2	D22KDC1	7	12.73%	5	9.09%	34	61.82%	9	16.36%	0	0%	0	0%	55	0
3	D23KDC1	4	8.89%	7	15.56%	23	51.11%	11	24.44%	0	0%	0	0%	45	0
4	D23KDC3	0	0%	0	0%	1	100%	0	0%	0	0%	0	0%	1	0
5	D24KDC1	2	5.13%	12	30.77%	23	58.97%	0	0%	0	0%	0	0%	37	2
6	D21KXC1	4	12.12%	9	27.27%	18	54.55%	2	6.06%	0	0%	0	0%	33	0
7	D22KXC1	0	0%	5	21.74%	12	52.17%	6	26.09%	0	0%	0	0%	23	0
8	D23KXC1	1	6.25%	6	37.5%	5	31.25%	4	25%	0	0%	0	0%	16	0
9	D24KXC1	0	0%	0	0%	2	6.45%	25	80.65%	1	3.23%	0	0%	28	3
10	D21QXC1	0	0%	2	18.18%	5	45.45%	4	36.36%	0	0%	0	0%	11	0
11	D22QXC1	1	6.25%	1	6.25%	8	50%	6	37.5%	0	0%	0	0%	16	0
12	D23QXC1	3	15%	3	15%	12	60%	2	10%	0	0%	0	0%	20	0
13	D24QXC1	0	0%	3	21.43%	2	14.29%	8	57.14%	0	0%	0	0%	13	1
14	D21QHC1	1	2.08%	5	10.42%	9	18.75%	33	68.75%	0	0%	0	0%	48	0
15	D21QLC1	0	0%	2	33.33%	2	33.33%	2	33.33%	0	0%	0	0%	6	0
16	D22QHC1	1	1.96%	8	15.69%	24	47.06%	18	35.29%	0	0%	0	0%	51	0
17	D22QSC1	2	12.5%	5	31.25%	7	43.75%	2	12.5%	0	0%	0	0%	16	0
18	D23QHC1	4	14.81%	7	25.93%	10	37.04%	4	14.81%	2	7.41%	0	0%	27	0
19	D23QSC1	0	0%	2	18.18%	7	63.64%	2	18.18%	0	0%	0	0%	11	0
20	D24QHC1	0	0%	5	12.5%	15	37.5%	13	32.5%	5	12.5%	0	0%	38	2
21	D23TNC1	0	0%	2	9.52%	4	19.05%	15	71.43%	0	0%	0	0%	21	0
22	D24TNC1	4	17.39%	6	26.09%	7	30.43%	1	4.35%	4	17.39%	0	0%	22	1
23	D23LQC1	2	8%	3	12%	8	32%	11	44%	1	4%	0	0%	25	0
24	D24LQC1	2	5.26%	5	13.16%	26	68.42%	5	13.16%	0	0%	0	0%	38	0
25	D24TMC1	1	5%	1	5%	16	80%	2	10%	0	0%	0	0%	20	0
TỔNG CỘNG		43	6.43%	114	17.04%	299	44.69%	191	28.55%	13	1.94%	0	0%	660	9

TỔNG SỐ LƯỢNG SINH VIÊN TOÀN TRƯỜNG ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM RÈN LUYỆN NĂM HỌC 2024-2025

TOÀN TRƯỜNG	1904	111	5.83%	257	13.5%	809	42.49%	652	34.24%	44	2.31%	0	0%	1873	18
-------------	------	-----	-------	-----	-------	-----	--------	-----	--------	----	-------	---	----	------	----



STT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
-----	--------	-----	---	----------	-----	---------

1	Phạm Lê Nhà	Linh	100	Xuất sắc	D21KDC1	
2	Nguyễn A	Anh	81	Tốt	D21KDC1	
3	Nguyễn Thị Thu	Xoan	81	Tốt	D21KDC1	
4	Nguyễn Phan Hoài	Phuong	59	TB	D21KDC1	
5	Đặng Thị Mỹ	Liên	73	Khá	D21KDC1	
6	Trần Thị Thu	Thảo	100	Xuất sắc	D21KDC1	
7	Trần Phuong	Thủy	60	TB	D21KDC1	
8	Lê Thị	Hòa	73	Khá	D21KDC1	
9	Đinh Thị Thanh	Tâm	81	Tốt	D21KDC1	
10	Huỳnh Thị Bích	Trâm	80	Tốt	D21KDC1	
11	Tô Thị Kiều	Oanh	73	Khá	D21KDC1	
12	Lê Thị Phụng	Hoàng	67	Khá	D21KDC1	
13	Trần Huỳnh Mỹ	Duyên	69	Khá	D21KDC1	
14	Trần Thị Mỹ	Linh	76	Khá	D21KDC1	
15	Phạm Anh	Vũ	83	Tốt	D21KDC1	
16	Nguyễn Thu	Hiên	73	Khá	D21KDC1	
17	Lê Thị Tường	Vy	86	Tốt	D21KDC1	
18	Lê Thành	Trung	69	Khá	D21KDC1	
19	Nguyễn Bích	Ngân	83	Tốt	D21KDC1	
20	Nguyễn Thị Bích	Thủy	73	Khá	D21KDC1	
21	Đặng Út	Oanh	81	Tốt	D21KDC1	
22	Võ Trinh Bích	Hợp	74	Khá	D21KDC1	
23	Hồ Cẩm	Ly	93	Xuất sắc	D21KDC1	
24	Nguyễn Thị Bảo	Lộc	72	Khá	D21KDC1	
25	Châu Đào Bích	Phụng	67	Khá	D21KDC1	
26	Lê Hoàng Phuong	Thảo	75	Khá	D21KDC1	
27	Lương Thị Thu	Thảo	78	Khá	D21KDC1	
28	SENGBOUALAY	Neng	61	TB	D21KDC1	
29	Nguyễn Thị Thủy	Kiều	71	Khá	D21KDC1	
30	Đỗ Thị Thu	Cúc	69	Khá	D21KDC1	
31	Nguyễn Thị Thủy	Dung	63	TB	D21KDC1	
32	Nguyễn Xuân	Hân	71	Khá	D21KDC1	
33	Võ Quỳnh	Nhi	86	Tốt	D21KDC1	
34	Nguyễn Như	Quỳnh	94	Xuất sắc	D21KDC1	
35	Trần Thị Thanh	Tâm	69	Khá	D21KDC1	
36	Trần Thị Phuong	Thanh	75	Khá	D21KDC1	
37	Nguyễn Thị Anh	Thu	87	Tốt	D21KDC1	
38	Nguyễn Hoàng	Thu	53	TB	D21KDC1	
40	Võ Thị Trường	Quỳ	58	TB	D21KDC1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Trần Ngọc	Ánh	73	Khá	D22KDC1	
2	Võ Thị Kim	Diệu	69	Khá	D22KDC1	
3	Trần Thị Mỹ	Dung	63	TB	D22KDC1	
4	Đinh Cẩm	Duyên	76	Khá	D22KDC1	
5	Trà Phương	Duyên	76	Khá	D22KDC1	
6	Phạm Thị	Điểm	70	Khá	D22KDC1	
7	Đặng Thị Ngọc	Điep	79	Khá	D22KDC1	
8	Nguyễn Thị Xuân	Hoàng	69	Khá	D22KDC1	
9	Hồ Thị Kim	Huê	69	Khá	D22KDC1	
10	Đặng Thị Kim	Huê	86	Tốt	D22KDC1	
11	Đặng Thị Thùy	Linh	72	Khá	D22KDC1	
12	Lê Thị Thùy	Linh	94	Xuất sắc	D22KDC1	
13	Nguyễn Thị Hân	Ly	73	Khá	D22KDC1	
14	Lê Thị Thanh	Ngọc	85	Tốt	D22KDC1	
15	Đỗ Thị Thùy	Nhi	93	Xuất sắc	D22KDC1	
16	Hồ Văn	Nhi	74	Khá	D22KDC1	
17	Kiều Thị Quỳnh	Như	73	Khá	D22KDC1	
18	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	89	Tốt	D22KDC1	
19	Trần Trương Huỳnh	Như	75	Khá	D22KDC1	
20	Lê Thị Bích	Ny	72	Khá	D22KDC1	
21	Phan Nguyễn San	Ny	67	Khá	D22KDC1	
22	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	59	TB	D22KDC1	
23	Đinh Thị Thanh	Suong	67	Khá	D22KDC1	
24	Đào Mai	Thảo	83	Tốt	D22KDC1	
25	Nguyễn Thị Kim	Thoa	67	Khá	D22KDC1	
26	Nguyễn Thị Ngọc	Thoài	79	Khá	D22KDC1	
27	Cao Thị	Thu	96	Xuất sắc	D22KDC1	
28	Dương Nguyễn Y	Thu	69	Khá	D22KDC1	
29	Trương Võ Hồng	Thu	71	Khá	D22KDC1	
30	Huỳnh Thị Thùy	Tiên	64	TB	D22KDC1	
31	Lê Thị	Tiên	87	Tốt	D22KDC1	
32	Lê Mỹ	Trâm	72	Khá	D22KDC1	
33	Trương Thị Tuyết	Trinh	95	Xuất sắc	D22KDC1	
34	Nguyễn Lê Thanh	Trúc	54	TB	D22KDC1	
35	Tô Hoàng Thanh	Trúc	78	Khá	D22KDC1	
36	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	62	TB	D22KDC1	

37	22Q73403012053	Nguyễn Nhật	Tường	65	Khả	D22KDC1	
38	22Q73403012054	Trần Tường	Vân	74	Khả	D22KDC1	
39	22Q73403012055	Nguyễn Hồng Thủy	Tiên	64	TB	D22KDC1	
40	22Q73403012056	Mai Khánh	Ly	65	Khả	D22KDC1	
41	22Q73403012057	Lương Thị Cẩm	Mỹ	94	Xuất sắc	D22KDC1	
42	22Q73403012058	Nguyễn Thị Kim	Anh	77	Khả	D22KDC1	
43	22Q73403012062	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	77	Khả	D22KDC1	
44	22Q73403012063	Trần Ngọc Thanh	Tú	57	TB	D22KDC1	
45	22Q73403012064	Lê Thị Tuyết	Vi	94	Xuất sắc	D22KDC1	
46	22Q73403012065	Phạm Thị Mỹ	Duyên	77	Khả	D22KDC1	
47	22Q73403012067	Nguyễn Lê Thảo	Nguyễn	75	Khả	D22KDC1	
48	22Q73403012068	Đỗ Thị	Trinh	70	Khả	D22KDC1	
49	22Q73403012070	Nguyễn Trang	Thảo	72	Khả	D22KDC1	
50	22Q73403012071	Phan Thị Mỹ	Phượng	76	Khả	D22KDC1	
51	22Q73403012072	Phạm Ngọc Quỳnh	Hương	64	TB	D22KDC1	
52	22Q73403012074	Nguyễn Thị Thu	Nhân	96	Xuất sắc	D22KDC1	
53	22Q73403012076	Hà Tố	Trinh	67	Khả	D22KDC1	
54	22Q73403012079	Châu Ngọc Thủy	Ngân	77	Khả	D22KDC1	
55	22Q73403012080	Lê Việt	Đức	51	TB	D22KDC1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc	An	84	Tốt	D23KDC1	
2	Trần Nguyễn Ngọc	Ánh	56	TB	D23KDC1	
3	Le Thị	Hân	66	Khá	D23KDC1	
4	Trần Thị Út	Hiền	80	Tốt	D23KDC1	
5	Nguyễn Thị Thu	Huyền	67	Khá	D23KDC1	
6	Đoàn Thị Trúc	Kiều	86	Tốt	D23KDC1	
7	Nguyễn Đăng Kim	Linh	72	Khá	D23KDC1	
8	Đoàn Thị Trà	My	72	Khá	D23KDC1	
9	Le Thanh Trúc	Nhà	74	Khá	D23KDC1	
10	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	63	TB	D23KDC1	
11	Nguyễn Thị Yên	Nhi	58	TB	D23KDC1	
12	Trần Yên	Nhi	73	Khá	D23KDC1	
13	Nguyễn Thị Thanh	Như	64	TB	D23KDC1	
14	Nguyễn Lê Kiều	Oanh	65	Khá	D23KDC1	
15	Le Yên	Phùng	98	Xuất sắc	D23KDC1	
16	Nguyễn Thị Minh	Phong	72	Khá	D23KDC1	
17	Lâm Trần Hà	Quanh	80	Tốt	D23KDC1	
18	Le Trần Thảo	Quên	64	TB	D23KDC1	
19	Trần Hoài Tú	Quên	77	Khá	D23KDC1	
20	Trần Thị Bích	Thảo	93	Xuất sắc	D23KDC1	
21	Nguyễn Thị Hồng	Thom	88	Tốt	D23KDC1	
22	Cao Thị Kim	Thu	74	Khá	D23KDC1	
23	Ngô Thị Anh	Thu	68	Khá	D23KDC1	
24	Trần Thị Bích	Tiên	88	Tốt	D23KDC1	
25	Truong Thị Bích	Trà	70	Khá	D23KDC1	
26	Nguyễn Thị Tú	Trinh	70	Khá	D23KDC1	
27	Huỳnh Thanh	Tú	69	Khá	D23KDC1	
28	Nguyễn Thị Thủy	Tuyền	65	Khá	D23KDC1	
29	Công Thị Phuong	Uyen	79	Khá	D23KDC1	
30	Võ Nguyễn Huy	Voon	55	TB	D23KDC1	
31	Nguyễn Như	Y	58	TB	D23KDC1	
32	Cao Thị Diễm	Quỳnh	59	TB	D23KDC1	
33	Truong Võ Quỳnh	Huong	73	Khá	D23KDC1	
34	Đặng Thị Thu	Hàng	66	Khá	D23KDC1	
35	Hồ Thị	Thu	62	TB	D23KDC1	
36	Nguyễn Tường	Vi	84	Tốt	D23KDC1	
37	Nguyễn Hoàng	Hung	79	Khá	D23KDC1	
38	Đặng Thị Việt	Trinh	74	Khá	D23KDC1	
39	Nguyễn Minh	Tùng	91	Xuất sắc	D23KDC1	
40	Trần Thu	Hà	63	TB	D23KDC1	
41	Tăng Thủy Thủy	Quy	68	Khá	D23KDC1	
42	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	75	Khá	D23KDC1	
43	Nguyễn Nữ Na	Ni	96	Xuất sắc	D23KDC1	
44	Nguyễn Thanh Thảo	Nguyễn	63	TB	D23KDC1	
45	Le Thị Út	Thu	77	Khá	D23KDC1	

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025							kèm theo Quyết định số /QĐ-BHXDMT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)	
TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú		
1	Nguyễn Đào Anh	Thu	71	Khả	D23KDC3			





TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Khánh	Đoan	87	Tốt	D21KXC1	
2	Nguyễn Bạch Nhật	Trương	67	Khá	D21KXC1	
3	Đinh Thị Anh	Nguyễn	82	Tốt	D21KXC1	
4	Trần Thị Minh	Hậu	81	Tốt	D21KXC1	
5	Lê Yên	Nhi	73	Khá	D21KXC1	
6	Nguyễn Thị	Ngân	73	Khá	D21KXC1	
7	Thái Hà	Nam	73	Khá	D21KXC1	
8	Trần Kim	Chi	76	Khá	D21KXC1	
9	Phan Hồng	Phúc	68	Khá	D21KXC1	
10	Tà Thị Anh	Thư	53	TB	D21KXC1	
11	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	98	Xuất sắc	D21KXC1	
12	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	76	Khá	D21KXC1	
13	Nguyễn Thị Mỹ	Lê	80	Tốt	D21KXC1	
14	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	83	Tốt	D21KXC1	
15	Đặng Lê Yên	Nhi	77	Khá	D21KXC1	
16	Nguyễn Quốc	Hùng	70	Khá	D21KXC1	
17	Hà Thị Mỹ	Dung	82	Tốt	D21KXC1	
18	Lê Trọng	Viên	73	Khá	D21KXC1	
19	Nguyễn Tuấn	Bảo	83	Tốt	D21KXC1	
20	Phan Văn	Phúc	73	Khá	D21KXC1	
21	Nguyễn Minh	Tâm	69	Khá	D21KXC1	
22	Trần Thị Bích	Đan	89	Tốt	D21KXC1	
23	Nguyễn Thị Mỹ	Hành	80	Tốt	D21KXC1	
24	Trương Phan Minh	Ngọc	65	Khá	D21KXC1	
25	Lê Thị	Khuyên	100	Xuất sắc	D21KXC1	
26	Nguyễn Thanh	Thảo	96	Xuất sắc	D21KXC1	
27	Nguyễn Thị Phương	Thảo	70	Khá	D21KXC1	
28	Lê Thị Ngọc	Hương	97	Xuất sắc	D21KXC1	
29	Đàm Thiên	Nhân	67	Khá	D21KXC1	
30	Lê Huyền	Trang	76	Khá	D21KXC1	
31	Hồ Thị	Nhiên	67	Khá	D21KXC1	
32	PHOUNPAKONE	Malina	75	Khá	D21KXC1	
33	XAYAKOUMMAN	Souksavanh	62	TB	D21KXC1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Kiều Hà Chi	Bao	87	Tốt	D22KXC1	
2	Huỳnh Thị Thảo	Chi	58	TB	D22KXC1	
3	Trần Thị Mỹ	Duyên	67	Khá	D22KXC1	
4	Đỗ Anh	Doan	70	Khá	D22KXC1	
5	Huỳnh Minh	Hiếu	81	Tốt	D22KXC1	
6	Nguyễn Minh	Hoàng	88	Tốt	D22KXC1	
7	Nguyễn Thị Ngọc	Hoàng	67	Khá	D22KXC1	
8	Lê Thanh	Huy	67	Khá	D22KXC1	
9	Nguyễn Phùng Khánh	Huyền	81	Tốt	D22KXC1	
10	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	55	TB	D22KXC1	
11	Lê Thị Hà	Ngát	65	Khá	D22KXC1	
12	Đặng Phạm Đình	Nhân	77	Khá	D22KXC1	
13	Lê Bảo	Quốc	72	Khá	D22KXC1	
14	Đoàn Đỗ Diễm	Quỳnh	89	Tốt	D22KXC1	
15	Lê Đăng Thủy	Tiên	72	Khá	D22KXC1	
16	Nguyễn Hoàng Bảo	Tiên	58	TB	D22KXC1	
17	Lê Nguyễn Thành	Trung	50	TB	D22KXC1	
18	Đào Lê Khánh	Vy	76	Khá	D22KXC1	
19	Lê	Đạt	64	TB	D22KXC1	
20	Cao Như	Quỳnh	67	Khá	D22KXC1	
21	Huỳnh Thị Diễm	Tâm	77	Khá	D22KXC1	
22	Nguyễn Chí	Hiếu	55	TB	D22KXC1	
23	Đỗ Quỳnh	Như	69	Khá	D22KXC1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Thái Hùng	Bảo	57	TB	D23KXC1	
2	Nguyễn Huỳnh	Đa	58	TB	D23KXC1	
3	Nguyễn Diễm	Hương	79	Khá	D23KXC1	
4	Huỳnh Quý	Nhân	51	TB	D23KXC1	
5	Lê Thị Bích	Nhi	82	Tốt	D23KXC1	
6	Nguyễn Thị Hồng	Phong	89	Tốt	D23KXC1	
7	Nguyễn Phúc	Si	95	Xuất sắc	D23KXC1	
8	Lê Thanh	Thiên	67	Khá	D23KXC1	
9	Lê Thị Hoài	Thương	75	Khá	D23KXC1	
10	Võ Thị Ngọc	Trang	88	Tốt	D23KXC1	
11	Trần Thị Kim	Tuyết	83	Tốt	D23KXC1	
12	Đoàn Thị Triều	Mên	72	Khá	D23KXC1	
13	Lê Thị Mao	Tuyền	88	Tốt	D23KXC1	
14	Hồ Văn Thủy	Triệu	79	Khá	D23KXC1	
15	Bùi Nguyễn Khắc	Sinh	58	TB	D23KXC1	
16	Hồ Huỳnh	Hương	87	Tốt	D23KXC1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Thị	Thị	65	Khả	D24KXC1	
2	Nguyễn Công	Hậu	51	TB	D24KXC1	
3	Nguyễn Trinh Nhật	Quỳnh	63	TB	D24KXC1	
4	Nguyễn Lương Hoàng	Vy	59	TB	D24KXC1	
5	Lê Đăng Yên	Nhi	62	TB	D24KXC1	
6	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	61	TB	D24KXC1	
7	Võ Duy	Luân	53	TB	D24KXC1	
8	Cao Lê Nhật	Yên	63	TB	D24KXC1	
9	Trần Nguyễn Thảo	Như	72	Khả	D24KXC1	
10	Nguyễn Thị Trúc	Huy	54	TB	D24KXC1	
11	Nguyễn Trần Việt	Bắc	57	TB	D24KXC1	
12	Nguyễn Ngọc Kim	Tú	54	TB	D24KXC1	
13	Nguyễn Văn	Sang	57	TB	D24KXC1	
14	Trần Bích	Quỳnh	64	TB	D24KXC1	
15	Nguyễn Lê Nhật	Vy	53	TB	D24KXC1	
16	Trần Ngọc Lan	Trương	61	TB	D24KXC1	
17	Nguyễn Hữu Gia	Luật	50	TB	D24KXC1	
18	Lê Thị Thanh	Thúy	55	TB	D24KXC1	
19	Nguyễn Thị Thu	Hà	61	TB	D24KXC1	
20	Lê Thanh	Nhân	54	TB	D24KXC1	
21	Nguyễn Trương Tấn	Duy			D24KXC1	Nhập học muộn
22	Trần Bảo	Ngọc			D24KXC1	Nhập học muộn
23	Nguyễn Ngọc	Nhân	58	TB	D24KXC1	
24	Nguyễn Lâm	Dũng	50	TB	D24KXC1	
25	Nguyễn Hoàng Bích	Ngân	56	TB	D24KXC1	
26	Đỗ Văn	Thuần	57	TB	D24KXC1	
27	Bình Ý	Su	50	TB	D24KXC1	
28	Trần Thị Ngân	Hà	51	TB	D24KXC1	
29	Hàn Châu Duy	Tân	44	Yếu	D24KXC1	
30	Vân Thị Thu	Xuân	53	TB	D24KXC1	
31	Nguyễn Thành	Đạt			D24KXC1	Nhập học muộn



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Châu Thị Kim	Quỳn	73	Khả	D21QXC1	
2	Lê Võ Trọng	Tin	54	TB	D21QXC1	
3	Võ Văn	Luân	50	TB	D21QXC1	
4	Nguyễn Huy	Hoàng	79	Khả	D21QXC1	
5	Trần	Nhâm	54	TB	D21QXC1	
6	Võ Ngọc	Tường	50	TB	D21QXC1	
7	Lê Thành	Đạt	70	Khả	D21QXC1	
8	Nguyễn Danh	Tiến	70	Khả	D21QXC1	
9	Nguyễn Thị Nhà	Linh	80	Tốt	D21QXC1	
10	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	80	Tốt	D21QXC1	
11	Nguyễn Trần	Hoàng	72	Khả	D21QXC1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Kim	Hoa	71	Khả	D22QXC1	
2	Phạm Minh	Hoàng	61	TB	D22QXC1	
3	Nguyễn Hữu	Huy	58	TB	D22QXC1	
4	Phan Văn	Khanh	62	TB	D22QXC1	
5	Bùi Thế	Kiệt	65	Khả	D22QXC1	
6	Dương Châu	Kiệt	67	Khả	D22QXC1	
7	Dương Thị Mỹ	Loan	68	Khả	D22QXC1	
8	Trần	Min	91	Xuất sắc	D22QXC1	
9	Lương Thái	Nguyễn	60	TB	D22QXC1	
10	Trần Minh	Phú	80	Tốt	D22QXC1	
11	Ngô Nguyễn Đình	Phúc	65	Khả	D22QXC1	
12	Nguyễn Thanh	Quốc	65	Khả	D22QXC1	
13	Trần Kim	Sang	76	Khả	D22QXC1	
14	Trịnh Văn	Tân	61	TB	D22QXC1	
15	Trần Khanh	Hiền	65	Khả	D22QXC1	
16	Nguyễn Nhật	Triều	53	TB	D22QXC1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Anh	Bảo	68	Khá	D23QXC1	
2	Nguyễn Tiến	Đạt	71	Khá	D23QXC1	
3	Trần Trung	Đức	72	Khá	D23QXC1	
4	Phan Thị Thu	Hà	73	Khá	D23QXC1	
5	Phan Thế	Hiền	69	Khá	D23QXC1	
6	Võ Minh	Huy	63	TB	D23QXC1	
7	Nguyễn Thị Thu	Huyền	86	Tốt	D23QXC1	
8	Nguyễn Thành	Long	95	Xuất sắc	D23QXC1	
9	Võ Anh	Quân	93	Xuất sắc	D23QXC1	
10	Dương Thái	Son	75	Khá	D23QXC1	
11	Võ Thị Thu	Thảo	89	Tốt	D23QXC1	
12	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	98	Xuất sắc	D23QXC1	
13	Võ Phan Kỳ	Vi	71	Khá	D23QXC1	
14	Đỗ Hữu	Quảng	73	Khá	D23QXC1	
15	Phạm Thị Mỹ	Tiến	78	Khá	D23QXC1	
16	Thiều Biền Hữu	Thăng	79	Khá	D23QXC1	
17	Nguyễn Quốc	Hiếu	68	Khá	D23QXC1	
18	Nguyễn Trần Thế	Vinh	64	TB	D23QXC1	
19	Nguyễn Thành	Trung	79	Khá	D23QXC1	
20	Nguyễn Nhật Bảo	Quỳn	88	Tốt	D23QXC1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Phạm Phi	Hùng	58	TB	D24QXC1	
2	Võ Thị Thanh	Kiều	56	TB	D24QXC1	
3	Nguyễn Đào Nhật	Long	82	Tốt	D24QXC1	
4	Nguyễn Minh	Tin	63	TB	D24QXC1	
5	Nguyễn Quốc	Cang	75	Khá	D24QXC1	
6	Lê Đăng	Khôi	58	TB	D24QXC1	
7	Trần Nhật	Lê	59	TB	D24QXC1	
8	Nguyễn Hoàng Phúc	Lâm	51	TB	D24QXC1	
9	Nguyễn Nhật	Vang	62	TB	D24QXC1	
10	Đặng Quốc	Việt	79	Khá	D24QXC1	
11	Đỗ Ngọc	Son	88	Tốt	D24QXC1	
12	Huỳnh Thái	Nguyễn	60	TB	D24QXC1	
13	Lê Minh	Hiếu	87	Tốt	D24QXC1	
14	Đào Vũ Xuân	Nam			D24QXC1	Nhập học muộn



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Huỳnh Thị Ánh	Như	86	Tốt	D21QHCI	
2	Huỳnh Trần Tú	Uyên	52	TB	D21QHCI	
3	Võ Khang	Hiên	50	TB	D21QHCI	
4	Võ Thị Minh	Thư	65	Khá	D21QHCI	
5	Nguyễn Đại	Đồng	54	TB	D21QHCI	
6	Nguyễn Lê Ai	Sâm	52	TB	D21QHCI	
7	Phạm Anh	Hùng	60	TB	D21QHCI	
8	Hoàng Thị Phương	Nam	77	Khá	D21QHCI	
9	Nguyễn Ngọc Phương	Trình	55	TB	D21QHCI	
10	Nguyễn Thị Thu	Giang	54	TB	D21QHCI	
11	Trần Thị Trà	Vi	50	TB	D21QHCI	
12	Cao Thu	Thảo	54	TB	D21QHCI	
13	Nguyễn Phạm Khánh	Duy	54	TB	D21QHCI	
14	Lê Thị Kỳ	Duyên	67	Khá	D21QHCI	
15	Nguyễn Thế	Hùng	54	TB	D21QHCI	
16	Đỗ Thị Hồng	Anh	54	TB	D21QHCI	
17	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	65	Khá	D21QHCI	
18	Trần Quốc	Đạt	50	TB	D21QHCI	
19	Lưu Quốc	Tuân	54	TB	D21QHCI	
20	Nguyễn Thị Như	Hiên	55	TB	D21QHCI	
21	Nguyễn Anh	Thị	59	TB	D21QHCI	
22	Nguyễn Lâm	Vũ	69	Khá	D21QHCI	
23	Nguyễn Quốc	Thái	57	TB	D21QHCI	
24	Nguyễn Minh	Tâm	52	TB	D21QHCI	
25	Nguyễn Xuân Mỹ	Trình	58	TB	D21QHCI	
26	Nguyễn Thị Tú	Trình	59	TB	D21QHCI	
27	Trần Văn	Toàn	66	Khá	D21QHCI	
28	Hồ Thị Thủy	Tiên	52	TB	D21QHCI	
29	Nguyễn Hữu	Tin	54	TB	D21QHCI	
30	Đào Thị Mỹ	Thu	56	TB	D21QHCI	
31	Hà Thị Kim	Xuân	69	Khá	D21QHCI	
32	Võ Thị Hồng	Châu	56	TB	D21QHCI	
33	Phạm Thị Kim	Thủy	59	TB	D21QHCI	
34	Ksô	Huỳnh	52	TB	D21QHCI	
35	Phan Thị Như	Quỳnh	79	Khá	D21QHCI	
36	Nguyễn Chí	Vỹ	50	TB	D21QHCI	

37	21DQ3401011063	Trinh Thị Kim Ngân	Ngân	50	TB	D21QHCI	
38	21DQ3401011064	Cao Thị Hồng Anh	Anh	65	Khả	D21QHCI	
39	21DQ3401011067	Phan Thanh Tâm	Tâm	56	TB	D21QHCI	
40	21DQ3401011068	Trần Thị Bích Ngọc	Ngọc	83	Tốt	D21QHCI	
41	21DQ3401011069	Dương Thị Bích Thị	Thị	86	Tốt	D21QHCI	
42	21DQ3401011070	Bàng Kim Khanh An	An	83	Tốt	D21QHCI	
43	21DQ3401011072	Phạm Thành Danh	Danh	81	Tốt	D21QHCI	
44	21DQ3401011073	Nguyễn Quốc Hùng	Hùng	52	TB	D21QHCI	
45	21DQ3401011075	Huỳnh Đức Thông	Thông	54	TB	D21QHCI	
46	21DQ3401011076	Huỳnh Thị Mỹ Lê	Lê	92	Xuất sắc	D21QHCI	
47	21DQ3401011080	Hồ Thị Thanh Tâm	Tâm	56	TB	D21QHCI	
48	21DQ3401011081	Trần Thị Kim Phương	Phương	57	TB	D21QHCI	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Dương Thị Kim	Anh	66	Khá	D22QHCI	
2	Phạm Ngọc	Bích	80	Tốt	D22QHCI	
3	Phan Nguyễn Nguyễn	Bình	69	Khá	D22QHCI	
4	Nguyễn Thùy	Dung	98	Xuất sắc	D22QHCI	
5	Huỳnh Nhật Bảo	Gia	88	Tốt	D22QHCI	
6	Lâm Ngọc Yên	Hoa	70	Khá	D22QHCI	
7	Đoàn Trường Quốc	Huy	82	Tốt	D22QHCI	
8	Lê Đình	Hung	66	Khá	D22QHCI	
9	Trần Quốc	Hung	70	Khá	D22QHCI	
10	Hoàng Tân	Kiệt	79	Khá	D22QHCI	
11	Hồ Dương Mỹ	Lê	80	Tốt	D22QHCI	
12	Lê Kim	Linh	85	Tốt	D22QHCI	
13	Trương Thị Mỹ	Luyên	70	Khá	D22QHCI	
14	Lê Trúc	Ly	64	TB	D22QHCI	
15	Nguyễn Thị Trúc	Ly	80	Tốt	D22QHCI	
16	Trần Nguyễn Thủy	Ngân	57	TB	D22QHCI	
17	Huỳnh Nguyễn Bích	Ngọc	64	TB	D22QHCI	
18	Huỳnh Nguyễn Bảo	Ngọc	61	TB	D22QHCI	
19	Nguyễn Thị Anh	Ngọc	68	Khá	D22QHCI	
20	Cao Nhuận	Phí	70	Khá	D22QHCI	
21	Võ Thành	Phượng	54	TB	D22QHCI	
22	Nguyễn Thị Bích	Phượng	74	Khá	D22QHCI	
23	Hồ Tân	Thành	54	TB	D22QHCI	
24	Nguyễn Thị Anh	Thư	54	TB	D22QHCI	
25	Nguyễn Thành	Trông	56	TB	D22QHCI	
26	Nguyễn Thị Thanh	Truyền	64	TB	D22QHCI	
27	Đỗ A	Tú	77	Khá	D22QHCI	
28	Vũ Quốc	Viết	72	Khá	D22QHCI	
29	Trần Văn	Trình	85	Tốt	D22QHCI	
30	Ung Thị Mỹ	Dung	66	Khá	D22QHCI	
31	Nguyễn Mạnh Thiên	Ngân	74	Khá	D22QHCI	
32	Huỳnh Tôn Nữ Minh	Thịnh	77	Khá	D22QHCI	
33	Trần Thị Lan	Vê	64	TB	D22QHCI	
34	Phan Thị Quỳnh	Như	77	Khá	D22QHCI	
35	Nguyễn Thị Bích	Ly	64	TB	D22QHCI	
36	Phan Anh	Như	70	Khá	D22QHCI	

37	22Q73401013058	Huỳnh Thị	Lang	81	Tốt	D22QHCl	
38	22Q73401013059	Nguyễn Hoàng	Nhật	59	TB	D22QHCl	
39	22Q73401013062	Nguyễn Thị Kim	Viên	73	Khá	D22QHCl	
40	22Q73401013063	Lê Bích	Thủy	59	TB	D22QHCl	
41	22Q73401013065	Phạm Ngọc Lê	Quỳnh	73	Khá	D22QHCl	
42	22Q73401013066	Vân Thị Kim	Hiền	73	Khá	D22QHCl	
43	22Q73401013067	Phạm Lê	Khoan	54	TB	D22QHCl	
44	22Q73401013068	Phan Thị Kim	Quỳnh	57	TB	D22QHCl	
45	22Q73401013072	Bùi Văn	Tùng	66	Khá	D22QHCl	
46	22Q73401013074	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	66	Khá	D22QHCl	
47	22Q73401013075	Nguyễn Thị Mỹ	Trung	70	Khá	D22QHCl	
48	22Q73401013079	Dương Hoài	Thương	75	Khá	D22QHCl	
49	22Q73401013080	Vô Văn	Triển	62	TB	D22QHCl	
50	22Q73401013084	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	63	TB	D22QHCl	
51	22Q73401013785	Hồ Mạnh	Tiến	54	TB	D22QHCl	

TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc	Hân	82	Tốt	D23QHCI	
2	Nguyễn Bùi Phương	Anh	94	Xuất sắc	D23QHCI	
3	Trần Thị Mỹ	Hành	65	Khá	D23QHCI	
4	Lê Nguyễn Khánh	Minh	62	TB	D23QHCI	
5	Trương Võ Ngọc	Trúc	90	Xuất sắc	D23QHCI	
6	Phan Bá Khánh	Vương	83	Tốt	D23QHCI	
7	Lê Nguyễn Khánh	Trúc	44	Yếu	D23QHCI	
8	Lê Thị Quỳnh	Như	69	Khá	D23QHCI	
9	Phùng Thị Hồng	Phân	86	Tốt	D23QHCI	
11	Võ Thị Hồng	Duyên	95	Xuất sắc	D23QHCI	
12	Đoàn Ngọc Anh	Hòa	83	Tốt	D23QHCI	
13	Phan Thùy	Linh	74	Khá	D23QHCI	
14	Phạm Gia	Huê	79	Khá	D23QHCI	
15	Bùi Ngọc	Tân	79	Khá	D23QHCI	
16	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	71	Khá	D23QHCI	
17	Nguyễn Tuấn	Khải	53	TB	D23QHCI	
18	Võ Thị Bích	Phượng	65	Khá	D23QHCI	
19	Lưu Quang	Thức	70	Khá	D23QHCI	
20	Lưu Nữ Tú	Trinh	87	Tốt	D23QHCI	
21	Cao Anh	Kiệt	52	TB	D23QHCI	
22	Nguyễn Thị	Nguyễn	91	Xuất sắc	D23QHCI	
23	Nguyễn Thị Yên	Nhi	67	Khá	D23QHCI	
24	Nguyễn Thị Mỹ	Yên	71	Khá	D23QHCI	
25	Nguyễn Thị Xứ	Muội	80	Tốt	D23QHCI	
26	Lê Bảo	Châu	47	Yếu	D23QHCI	
27	Tăng Ngọc Ai	Thị	59	TB	D23QHCI	
28	Nguyễn Vũ Bảo	Châu	81	Tốt	D23QHCI	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
----	--------	-----	--	----------	-----	---------

1	24Q73401011002	Lê Đỗ Thanh	Quy		D24QHC1	Nhập học muộn
2	24Q73401011004	Nguyễn Thị	Kiều		TB	D24QHC1
3	24Q73401011007	Đặng Lan	Hương		TB	D24QHC1
4	24Q73401011009	Trần Yên	Vi		TB	D24QHC1
5	24Q73401011011	Bùi Thị Mỹ	Nga		Tốt	D24QHC1
6	24Q73401011012	Trần Khoa!	Học			D24QHC1
7	24Q73401011019	Nguyễn Trung	Tú		Yếu	D24QHC1
8	24Q73401011027	Lê Ngọc	Phú		Yếu	D24QHC1
9	24Q73401011028	Nguyễn Phúc	Hậu		TB	D24QHC1
10	24Q73401011029	Huỳnh Thị Mỹ	Dung		TB	D24QHC1
11	24Q73401011030	Nguyễn Thị Bích	Hiếu		Yếu	D24QHC1
12	24Q73401012002	Ngô Nguyễn Ngọc	Trâm		Tốt	D24QHC1
13	24Q73401012005	Tà Nguyễn Huyền	Trang		TB	D24QHC1
14	24Q73401012006	Ngô Thị Bích	Hợp		Khá	D24QHC1
15	24Q73401013004	Trần Thị Thanh	Thảo		Khá	D24QHC1
16	24Q73401013005	Lê Quỳnh	Trang		TB	D24QHC1
17	24Q73401013012	Nguyễn Thị	Trinh		Khá	D24QHC1
18	24Q73401013013	Trinh Ngọc Thanh	Tuyền		Khá	D24QHC1
19	24Q73401013014	Nguyễn Thiên	Bức		Yếu	D24QHC1
20	24Q73401013016	Nguyễn Chi	Tâm		Khá	D24QHC1
21	24Q73401013017	Nguyễn Minh	Tiến		TB	D24QHC1
22	24Q73401013018	Nguyễn Thị Diệu	Hiền		TB	D24QHC1
23	24Q73401013019	Trần Nguyễn Như	Y		Khá	D24QHC1
24	24Q73401013021	Huỳnh Quốc	Thịnh		Tốt	D24QHC1
25	24Q73401013022	Nguyễn Bà	Nhân		Khá	D24QHC1
26	24Q73401013023	Nguyễn Thảo	Vy		Tốt	D24QHC1
27	24Q73401013024	Nguyễn Thị	Hương		Khá	D24QHC1
28	24Q73401013026	Nguyễn Thị Trà	My		Khá	D24QHC1
29	24Q73401013027	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		Khá	D24QHC1
30	24Q73401013028	Võ Nguyễn Phương	Thùy		Khá	D24QHC1
31	24Q73401013029	Nguyễn Hồng	Quân		Khá	D24QHC1
32	24Q73401013030	Nguyễn Thùy	Duyên		TB	D24QHC1
33	24Q73401013031	Nguyễn Thị Thu	Uyên		TB	D24QHC1
34	24Q73401013039	Nguyễn Ngọc Thanh	Quỳnh		TB	D24QHC1
35	24Q73401013042	Nguyễn Tông Bà	Luan		Yếu	D24QHC1
36	24Q73401013043	Nguyễn Văn	Huy		Tốt	D24QHC1
37	24Q73401013044	Nguyễn Thị Thu	Viên		Khá	D24QHC1
38	24Q73401013046	Thiếu Duy	Thuần		Khá	D24QHC1
39	24Q73401013047	Phan Giang	Ngũ		TB	D24QHC1
40	24Q73401013049	Thái Lý Thu	Trang		Khá	D24QHC1



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	21DQ3401011020	Lê Trung Giang	87	Tốt	D21QLC1	
2	21DQ3401011055	Võ Hà Thị Hồng Ngọc	52	TB	D21QLC1	
3	21DQ3401011057	Trần Bảo	73	Khá	D21QLC1	
4	21DQ3401011065	Nguyễn Thị Thuý Mai	67	Khá	D21QLC1	
5	21DQ3401011066	Phạm Ngọc Phương Uyên	54	TB	D21QLC1	
6	21DQ3401011078	Nguyễn Thái Bình	84	Tốt	D21QLC1	

TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Minh	Bảo	71	Khá	D22QSC1	
2	Lưu Quốc	Huy	76	Khá	D22QSC1	
3	Phạm Thị Bích	Ngân	84	Tốt	D22QSC1	
4	Phan Thị Anh	Nguyễn	77	Khá	D22QSC1	
5	Võ Văn	Thuần	86	Tốt	D22QSC1	
6	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	95	Xuất sắc	D22QSC1	
7	Lê Thị Hồng	Hoa	76	Khá	D22QSC1	
8	Lê Yến	Như	76	Khá	D22QSC1	
9	Phạm Thanh	Hào	92	Xuất sắc	D22QSC1	
10	Nguyễn Tân	Lộc	72	Khá	D22QSC1	
11	Phạm Thị Hồng	Phước	82	Tốt	D22QSC1	
12	Lê Thị Diễm	My	81	Tốt	D22QSC1	
13	Hoàng Thị	Lai	74	Khá	D22QSC1	
14	Nguyễn Thị Thu	Nga	82	Tốt	D22QSC1	
15	Nguyễn Đức	Phuong	59	TB	D22QSC1	
16	Nguyễn Ngọc	Thăng	55	TB	D22QSC1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	23Q73401012001	Lê Xuân	Hoan	67	Khả	D23QSC1
2	23Q73401012004	Đặng Hoàng Cẩm	Ly	72	Khả	D23QSC1
3	23Q73401012005	Bùi Thu	Miền	69	Khả	D23QSC1
4	23Q73401012006	Nguyễn Hoài	Nam	84	Tốt	D23QSC1
5	23Q73401012007	Nguyễn Quỳnh	Hoa	69	Khả	D23QSC1
6	23Q73401012008	Nguyễn Cao	Trí	60	TB	D23QSC1
7	23Q73401012009	Võ Thị Kim	Thảo	67	Khả	D23QSC1
8	23Q73401012011	Lê Thị Tú	Yên	72	Khả	D23QSC1
9	23Q73401012014	Trần Bích	Oanh	72	Khả	D23QSC1
10	23Q73401012720	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhung	58	TB	D23QSC1
11	23Q73401012721	Nguyễn Hoàng Anh	Tuân	89	Tốt	D23QSC1



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
----	--------	-----	---	----------	-----	---------

1	23Q73402011002	Võ Thùy Duyên	65	Khả	D23TNC1	
2	23Q73402011003	Trần Thị Diễm	67	Khả	D23TNC1	
3	23Q73402011005	Đàng Thế Luyên	80	Tốt	D23TNC1	
4	23Q73402011006	Phan Thị Kiều Ngân	62	TB	D23TNC1	
5	23Q73402011007	Nguyễn Khôi Nguyên	55	TB	D23TNC1	
6	23Q73402011009	Nguyễn Thị Bình Như	60	TB	D23TNC1	
7	23Q73402011010	Trương Nguyễn Hoàng Phong	53	TB	D23TNC1	
8	23Q73402011011	Trương Thị Mỹ Duyên	62	TB	D23TNC1	
9	23Q73402011012	Trần Bảo Tín	51	TB	D23TNC1	
10	23Q73402011015	Trần Lê Thanh Trúc	71	Khả	D23TNC1	
11	23Q73402011016	Phạm Thị Hồng Tuyết	50	TB	D23TNC1	
12	23Q73402011017	Trương Gia Thái Vy	56	TB	D23TNC1	
13	23Q73402011018	Dương Nhật Dương	63	TB	D23TNC1	
14	23Q73402011019	Hà Ngọc Minh Châu	57	TB	D23TNC1	
15	23Q73402011020	Lê Đình Anh Tú	53	TB	D23TNC1	
16	23Q73402011021	Dương Triều Mẫn	65	Khả	D23TNC1	
17	23Q73402011022	Khổng Thị Diễm Quỳnh	89	Tốt	D23TNC1	
18	23Q73402011023	Phạm Ngọc Thái	63	TB	D23TNC1	
19	23Q73402011024	Phạm Thị Trúc Dang	59	TB	D23TNC1	
20	23Q73402011025	Phạm Gia Hân	57	TB	D23TNC1	
21	23Q73402011026	Huỳnh Thị Bích Diễm	57	TB	D23TNC1	





TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Lương Lê Anh	Thu	85	Tốt	D24TNC1	
2	Phạm Thị Thu	Tuyền	84	Tốt	D24TNC1	
3	Nguyễn Thị Hà	Vi	65	Khá	D24TNC1	
4	Lê Trung Anh	Kiệt	88	Tốt	D24TNC1	
5	Trần Thị	Phúc	83	Tốt	D24TNC1	
6	Nguyễn Thanh Hòa	My	92	Xuất sắc	D24TNC1	
7	Nguyễn Võ Phương	Dung	75	Khá	D24TNC1	
8	Trần Đình	Mẫn	87	Tốt	D24TNC1	
9	Võ Hồng	Nam	68	Khá	D24TNC1	
10	Nguyễn Thị Thanh	Hoài	93	Xuất sắc	D24TNC1	
11	Đinh Nguyễn Kỳ	Duyên	90	Xuất sắc	D24TNC1	
12	Phạm Duy	Hoàng	36	Yếu	D24TNC1	
13	Trần Thị Yên	Nhi	77	Khá	D24TNC1	
14	Nguyễn Trần Gia	Huy	73	Khá	D24TNC1	
15	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Như	66	Khá	D24TNC1	
16	Nguyễn Duy	Trình	78	Khá	D24TNC1	
17	Trần Hồ Hải	Kiên	47	Yếu	D24TNC1	
18	Nguyễn Quốc	Hung	41	Yếu	D24TNC1	
19	Lê Thị Bích	Tuyền	87	Tốt	D24TNC1	
20	Nguyễn Xuân Hải	Luân	43	Yếu	D24TNC1	
21	Đặng Thị Thanh	Phong	58	TB	D24TNC1	
22	Trương Thị Hồng	Hậu	92	Xuất sắc	D24TNC1	
23	Nguyễn Tấn	Lợi			D24TNC1	Nhập học muộn



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Phạm Thành	Tâm	57	TB	D23LQCI	
2	Huỳnh Thành	Dự	79	Khả	D23LQCI	
3	Nguyễn Thị Linh	Đa	63	TB	D23LQCI	
4	Võ Thị Trúc	Đào	81	Tốt	D23LQCI	
5	Phan Tiến	Đạt	52	TB	D23LQCI	
6	Nguyễn Hải Hoàng	Hào	62	TB	D23LQCI	
7	Võ Ngọc	Hoàn	46	Yếu	D23LQCI	
8	Lê Nguyễn Bích	Hợp	65	Khả	D23LQCI	
9	Nguyễn Đăng Thủy	Lan	52	TB	D23LQCI	
10	Nguyễn Tấn	Lập	58	TB	D23LQCI	
11	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Minh	74	Khả	D23LQCI	
12	Tà Bảo	Ngọc	81	Tốt	D23LQCI	
13	Tô Tú	Nhi	64	TB	D23LQCI	
14	Nguyễn Thị Tô	Quỳn	78	Khả	D23LQCI	
15	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	72	Khả	D23LQCI	
16	Nguyễn Thị Văn	Tin	73	Khả	D23LQCI	
17	Huỳnh Ngọc	Trâm	93	Xuất sắc	D23LQCI	
18	Nguyễn Hoàng Huyền	Trần	63	TB	D23LQCI	
19	Lê Quốc	Việt	51	TB	D23LQCI	
20	Võ Thị Kim	Xiên	77	Khả	D23LQCI	
21	Nguyễn Lê Hoàng	Quân	96	Xuất sắc	D23LQCI	
22	Nguyễn Phan Hồng	Đinh	66	Khả	D23LQCI	
23	Nguyễn Lê Anh	Như	89	Tốt	D23LQCI	
24	Hà Hoàng	Diệu	51	TB	D23LQCI	
25	Võ Huy	Hoàng	55	TB	D23LQCI	

TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn	Ân	70	Khá	D24LQC1	
2	Nguyễn Huy	Hoàng	71	Khá	D24LQC1	
3	Mạnh Văn	Kỳ	57	TB	D24LQC1	
4	Phạm Nguyễn Thúc	Linh	69	Khá	D24LQC1	
5	Nguyễn Thị Kim	Ngân	78	Khá	D24LQC1	
6	Trương Ngọc Thủy	Ngân	75	Khá	D24LQC1	
7	Nguyễn Hữu	Ngôn	69	Khá	D24LQC1	
8	Võ Đỗ Thành	Nhân	78	Khá	D24LQC1	
9	Dương Ngọc	Quốc	79	Khá	D24LQC1	
10	Phạm Hồ Nhật	Phú	69	Khá	D24LQC1	
11	Châu Thị Hương	Duyên	71	Khá	D24LQC1	
12	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	68	Khá	D24LQC1	
13	Nguyễn Hoài	Duy	72	Khá	D24LQC1	
14	Ngô Phương	Thảo	63	TB	D24LQC1	
15	Nguyễn Thị Thiên	Kim	86	Tốt	D24LQC1	
16	Phạm Thủy	Bát	64	TB	D24LQC1	
17	Nguyễn Huỳnh Trung	Tin	64	TB	D24LQC1	
18	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	84	Tốt	D24LQC1	
19	Nguyễn Hồ Nhật	Uyên	71	Khá	D24LQC1	
20	Hồ Hoàng	Hải	62	TB	D24LQC1	
21	Trần Ngọc	Tuân	79	Khá	D24LQC1	
22	Phạm Trần Quỳnh	Như	71	Khá	D24LQC1	
23	Võ Thị Thanh	Tuyền	74	Khá	D24LQC1	
24	Lê Hữu	Hoàng	67	Khá	D24LQC1	
25	Phạm Nguyễn Hương	Giang	68	Khá	D24LQC1	
26	Đông Minh	Anh	66	Khá	D24LQC1	
27	Nguyễn Thanh	Tường	76	Khá	D24LQC1	
28	Nguyễn Huyền	Trang	81	Tốt	D24LQC1	
29	Đặng Văn	Tâm	97	Xuất sắc	D24LQC1	
30	Trần Lương Thủy	Trang	67	Khá	D24LQC1	
31	Nguyễn Đức	Huy	73	Khá	D24LQC1	
33	Nguyễn Mai Bích	Ngân	70	Khá	D24LQC1	
34	Nguyễn Thành	Bình	98	Xuất sắc	D24LQC1	
35	Phạm Thị Trúc	Loan	74	Khá	D24LQC1	
36	Lê Kim	Hóp	80	Tốt	D24LQC1	
37	Lê Thu	Viên	85	Tốt	D24LQC1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Phạm Trung	Lập	67	Khả	D24TMC1	
2	Phạm Hồng	Phượng	65	Khả	D24TMC1	
3	Nguyễn Xuân	Quang	74	Khả	D24TMC1	
4	Nguyễn Cẩm	Tiến	76	Khả	D24TMC1	
5	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	69	Khả	D24TMC1	
6	Ngô Đình	Kiệt	72	Khả	D24TMC1	
7	Lê Nhật	Hào	73	Khả	D24TMC1	
8	Nguyễn Tường	Vy	79	Khả	D24TMC1	
9	Lê Nguyễn Như	Quỳnh	73	Khả	D24TMC1	
10	Võ Lê Yên	Nhi	83	Tốt	D24TMC1	
11	Huỳnh Nguyễn Anh	Dương	72	Khả	D24TMC1	
12	Huỳnh Thanh	Tuyền	69	Khả	D24TMC1	
13	Huỳnh Thị Ngọc	Hào	76	Khả	D24TMC1	
14	Trần Thị Diệu	Hiền	90	Xuất sắc	D24TMC1	
15	Tà Bảo	Ngân	73	Khả	D24TMC1	
16	Dương Phong	Hào	77	Khả	D24TMC1	
17	Phạm Hoàng	Luân	64	TB	D24TMC1	
18	Võ Thị Kim	Yên	72	Khả	D24TMC1	
19	Ngô Hàn Thái Uyên	Thy	74	Khả	D24TMC1	
20	Nguyễn Ngọc	Thăng	62	TB	D24TMC1	



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025
(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXD-MT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

KHOA HÀ TĨNH - KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ

TT	ST số hiện tại	Xuất sắc	%	Tốt	%	Khá	%	TB	%	Yếu	%	Kém	%	Số SV được xét	Số SV chưa xét
1	D21CDK1	3	16.67%	1	5.56%	7	38.89%	7	38.89%	0	0%	0	0%	18	0
2	D22CDK1	3	16.67%	3	16.67%	4	22.22%	7	38.89%	0	0%	0	0%	17	1
3	D23CDK1	2	8.7%	1	4.35%	4	17.39%	15	65.22%	0	0%	0	0%	22	1
4	D24CDK1	0	0%	2	7.41%	8	29.63%	16	59.26%	0	0%	0	0%	26	1
5	D21CNK1	1	50%	0	0%	1	50%	0	0%	0	0%	0	0%	2	0
6	D23CNK1	1	20%	1	20%	1	20%	2	40%	0	0%	0	0%	5	0
7	D24CNK1	2	40%	0	0%	2	40%	1	20%	0	0%	0	0%	5	0
8	D21XCK1	1	16.67%	2	33.33%	3	50%	0	0%	0	0%	0	0%	6	0
9	D22XCK1	0	0%	0	0%	5	100%	0	0%	0	0%	0	0%	5	0
10	D23COK1	0	0%	4	12.9%	26	83.87%	0	0%	0	0%	0	0%	30	1
11	D23COK2	0	0%	0	0%	13	46.43%	15	53.57%	0	0%	0	0%	28	0
12	D23COK3	0	0%	0	0%	7	28%	18	72%	0	0%	0	0%	25	0
13	D24COK1	2	3.64%	5	9.09%	37	67.27%	9	16.36%	0	0%	0	0%	53	2
14	D24COK2	0	0%	0	0%	14	25.93%	40	74.07%	0	0%	0	0%	54	0
15	D23TDK1	1	16.67%	3	50%	2	33.33%	0	0%	0	0%	0	0%	6	0
16	D24TDK1	2	10%	3	15%	4	20%	8	40%	1	5%	0	0%	18	2
17	D21CTC1	3	9.38%	4	12.5%	24	75%	1	3.13%	0	0%	0	0%	32	0
18	D22CTC1	3	8.57%	1	2.86%	11	31.43%	20	57.14%	0	0%	0	0%	35	0
19	D23CTC1	1	3.13%	3	9.38%	25	78.13%	3	9.38%	0	0%	0	0%	32	0
20	D23CTC2	1	16.67%	2	33.33%	3	50%	0	0%	0	0%	0	0%	6	0
21	D23CTC4	0	0%	0	0%	3	75%	1	25%	0	0%	0	0%	4	0
22	D24CTC1	2	4%	3	6%	21	42%	24	48%	0	0%	0	0%	50	0
23	D24CTC2	0	0%	0	0%	0	0%	2	100%	0	0%	0	0%	2	0
TỔNG CỘNG		28	5.73%	38	7.77%	225	46.01%	189	38.65%	1	0.2%	0	0%	481	8



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Đức	Thăng	100	Xuất sắc	D21CDK1	
2	Nguyễn Quốc	Huy	62	TB	D21CDK1	
3	Phạm Hùng	Dũng	56	TB	D21CDK1	
4	Lương Văn	Đoan	60	TB	D21CDK1	
5	Hồ Tiến	Phát	82	Tốt	D21CDK1	
6	Nguyễn Trọng	Khải	60	TB	D21CDK1	
7	Trần Ngọc Hà	Nam	73	Khá	D21CDK1	
8	Võ Nguyễn Thành	Nam	62	TB	D21CDK1	
9	Nguyễn Lê Đình	Huy	91	Xuất sắc	D21CDK1	
10	Nguyễn Lê Hoài	Phong	65	Khá	D21CDK1	
11	Trần Ngọc	Hội	65	Khá	D21CDK1	
12	Vũ Hoài	Nam	100	Xuất sắc	D21CDK1	
13	Lê Ngọc	Tỉnh	60	TB	D21CDK1	
14	Võ Chí	Thương	66	Khá	D21CDK1	
15	Ngô Xuân	Lộc	75	Khá	D21CDK1	
16	Hồ Nguyễn	Đan	65	Khá	D21CDK1	
17	Lê Trọng	Huy	62	TB	D21CDK1	
19	Nguyễn Trọng	Nghĩa	65	Khá	D21CDK1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Phan Trọng	Bằng	83	Tốt	D22CDK1	
2	Thái Văn	Bình	59	TB	D22CDK1	
3	Võ Thái	Bình	70	Khá	D22CDK1	
4	Huỳnh Đức	Cường	70	Khá	D22CDK1	
5	Nguyễn Văn	Hiên	74	Khá	D22CDK1	
6	Đào Trọng	Hoàng	81	Tốt	D22CDK1	
7	Phan Thành	Học	93	Xuất sắc	D22CDK1	
8	Võ Hoàng	Nguyễn	72	Khá	D22CDK1	
9	Lê Văn	Phú	93	Xuất sắc	D22CDK1	
10	Nguyễn Kiều Bảo	Phúc	60	TB	D22CDK1	
11	Lâm Nguyễn Công	Thành	89	Tốt	D22CDK1	
12	Nguyễn Quốc	Thông	93	Xuất sắc	D22CDK1	
13	Võ Nguyễn	Tú	56	TB	D22CDK1	
14	Nguyễn Hoài	Luân	60	TB	D22CDK1	
15	Nguyễn Anh	Quân	56	TB	D22CDK1	
16	Đặng Ngọc	Thoàn	61	TB	D22CDK1	
17	Đặng Nguyễn	Vy	61	TB	D22CDK1	
18	Trần Đức	Hào			D22CDK1	Bảo lưu



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Phạm Thành	Công	72	Khá	D23CDK1	
2	Trần Văn	Diệp	83	Tốt	D23CDK1	
3	Đỗ Đức	Hậu	59	TB	D23CDK1	
4	Phan Công	Hậu	59	TB	D23CDK1	
5	Phan Trần	Hiếu	59	TB	D23CDK1	
6	Trần Mai Trường	Huy	62	TB	D23CDK1	
7	Trần Quốc	Long	56	TB	D23CDK1	
8	Trần Nguyễn Anh	Quân	59	TB	D23CDK1	
9	Nguyễn Văn	Thăng	63	TB	D23CDK1	
10	Võ Ngọc	Thăng	63	TB	D23CDK1	
11	Vân Ngọc	Tiến	61	TB	D23CDK1	
12	Vân Ngọc	Tinh	64	TB	D23CDK1	
13	Hồ Hoàng	Vũ	66	Khá	D23CDK1	
14	Trần	Hoàng	59	TB	D23CDK1	
15	Nguyễn Hữu	Tinh	61	TB	D23CDK1	
16	Nguyễn Hoài	Nam	59	TB	D23CDK1	
17	Lê Quốc	Vương	61	TB	D23CDK1	
18	Nguyễn Đại	Gia	91	Xuất sắc	D23CDK1	
19	Nguyễn Quốc	Triển	71	Khá	D23CDK1	
20	Nguyễn Văn	Tiến	93	Xuất sắc	D23CDK1	
22	Nguyễn Gia	Hào	65	Khá	D23CDK1	
23	Võ Ngọc	Toàn	58	TB	D23CDK1	
24	Nguyễn Văn Phú	Dương			D23CDK1	Nhập học lại



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Văn	Toàn	66	Khả	D24CDK1	
2	Trịnh Quốc	Duy	65	Khả	D24CDK1	
3	Phạm Tấn	Bảo	55	TB	D24CDK1	
4	Nguyễn Phúc	Hậu	66	Khả	D24CDK1	
5	Lê Nguyễn Phú	Hung	54	TB	D24CDK1	
6	Phan Đăng	Tiến	57	TB	D24CDK1	
7	Trần Văn	Lộc	55	TB	D24CDK1	
8	Phan Đức	Hiếu	71	Khả	D24CDK1	
9	Đặng Hoàng	Nhiên	62	TB	D24CDK1	
10	Phạm Huỳnh Quang	Triệu	74	Khả	D24CDK1	
11	Hồ Thanh	Tùng	51	TB	D24CDK1	
12	Phạm Ngọc	Nam	67	Khả	D24CDK1	
13	Võ Lâm Nhật	Tường	52	TB	D24CDK1	
14	Lê Thành	Phước	70	Khả	D24CDK1	
15	Nguyễn Thành	An	56	TB	D24CDK1	
16	Trần Hữu	Phúc	58	TB	D24CDK1	
17	Huỳnh Hoàng Anh	Dũng	55	TB	D24CDK1	
18	Huỳnh Anh	Kiệt	58	TB	D24CDK1	
19	Nguyễn Kiên	Bách	50	TB	D24CDK1	
20	Nguyễn Quốc	Cường	68	Khả	D24CDK1	
21	Lê Đình	Quý	55	TB	D24CDK1	
22	Ngô Gia	Phong	55	TB	D24CDK1	
23	Phạm Đình	Chiến	80	Tốt	D24CDK1	
24	Huỳnh Đức	Sâm	60	TB	D24CDK1	
25	Hồ Thị Hồng	Thương	50	TB	D24CDK1	
26	Nguyễn Phương	Linh	83	Tốt	D24CDK1	
27	Nguyễn Ngọc	Hào			D24CDK1	Nhập học muộn

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025							Kèm theo Quyết định số /QĐ-BHXDMT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung	
TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú		
1	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	98	Xuất sắc	D21CNK1			
2	21DQ5802131003	Ngô Anh	Tuân	68	Khả	D21CNK1		

TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Phạm Lê Hà	Giang	91	Xuất sắc	D23CNK1	
2	Trần Văn	Hoài	59	TB	D23CNK1	
3	Nguyễn Văn	Tài	60	TB	D23CNK1	
4	Lương Hữu	Tiến	87	Tốt	D23CNK1	
5	Trần Ngọc	Hoàng	73	Khá	D23CNK1	

TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Văn	Long	73	Khá	D24CNK1	
2	Nguyễn Diệu Huyền	Trần	96	Xuất sắc	D24CNK1	
3	Ngô Trung	Kiên	91	Xuất sắc	D24CNK1	
4	Phan Văn	Thành	75	Khá	D24CNK1	
5	Đinh Duy	Viết	51	TB	D24CNK1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Trần Du	Nhật	84	Tốt	D21XCK1	
2	Phan Quốc	Huy	67	Khá	D21XCK1	
3	Lê Phi	Cường	71	Khá	D21XCK1	
4	Đinh Thanh	Tin	76	Khá	D21XCK1	
5	Đinh Phú	Thò	91	Xuất sắc	D21XCK1	
6	Nguyễn Nhật Anh	Minh	84	Tốt	D21XCK1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Văn	Đạt	75	Khá	D22XCK1	
2	Nguyễn Huỳnh Quang	Huy	67	Khá	D22XCK1	
3	Nguyễn Quốc	Thái	68	Khá	D22XCK1	
4	Nguyễn Văn	Thịnh	77	Khá	D22XCK1	
5	Lê Nhật	Tân	68	Khá	D22XCK1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Tuấn	Anh	69	Khá	D23COK1	
2	Nguyễn Da	Bảo	69	Khá	D23COK1	
3	Huỳnh Công	Danh	72	Khá	D23COK1	
4	Phạm Chí	Dũng	87	Tốt	D23COK1	
5	Bùi Quốc	Duy	74	Khá	D23COK1	
6	Huỳnh Quốc	Đường	72	Khá	D23COK1	
7	Nguyễn Hồng	Hải	69	Khá	D23COK1	
8	Trần Minh	Hải	69	Khá	D23COK1	
9	Mai Tân Kim	Hân	74	Khá	D23COK1	
10	Huỳnh Hân	Hoan	86	Tốt	D23COK1	
11	Bùi Đoàn Quan	Hoàng	77	Khá	D23COK1	
12	Nguyễn Văn	Hội	83	Tốt	D23COK1	
13	Lê Văn	Huy	85	Tốt	D23COK1	
14	Trần Quốc	Huy	72	Khá	D23COK1	
15	Tô Đan	Hy	70	Khá	D23COK1	
16	Phan Huỳnh	Luân			D23COK1	Bảo lưu
17	Phan Sĩ	Luân	65	Khá	D23COK1	
18	Lê Minh	Nghĩa	72	Khá	D23COK1	
19	Lê Văn	Phát	77	Khá	D23COK1	
20	Lương Hoàng	Phong	69	Khá	D23COK1	
21	Nguyễn Tân	Quốc	75	Khá	D23COK1	
22	Trần Quang	Tiến	70	Khá	D23COK1	
23	Huỳnh Văn	Tín	70	Khá	D23COK1	
24	Lê Xuân	Tinh	70	Khá	D23COK1	
25	Lê	Toàn	69	Khá	D23COK1	
26	Nguyễn Xuân	Trường	67	Khá	D23COK1	
27	Lê Lưu Anh	Tuân	67	Khá	D23COK1	
28	Từ Quốc	Việt	77	Khá	D23COK1	
29	Lê Quang	Vinh	75	Khá	D23COK1	
30	Nguyễn Trương Kỳ	Phi	70	Khá	D23COK1	
31	Nguyễn Quốc	Huy	67	Khá	D23COK1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Đinh Ngọc	Danh	68	Khá	D23COK2	
2	Phan Thanh	Duy	57	TB	D23COK2	
3	Trần Quốc	Hải	65	Khá	D23COK2	
4	Nguyễn Khắc	Hào	56	TB	D23COK2	
5	Lê Bảo Gia	Hân	59	TB	D23COK2	
6	Trương Minh	Hoàng	65	Khá	D23COK2	
7	Nguyễn Văn	Học	57	TB	D23COK2	
8	Chê Bùi Quốc	Huy	65	Khá	D23COK2	
9	Lê Công	Lâm	61	TB	D23COK2	
10	Nguyễn Tân	Ngân	70	Khá	D23COK2	
11	Đỗ Minh	Nhơn	66	Khá	D23COK2	
12	Tô Thanh	Phước	68	Khá	D23COK2	
13	Phạm Huỳnh Hoài	Quang	57	TB	D23COK2	
14	Phan Châu	Tài	50	TB	D23COK2	
15	Ung Hoàng	Thành	55	TB	D23COK2	
16	Lê Huỳnh Đức	Thăng	70	Khá	D23COK2	
17	Trần Văn	Thăng	65	Khá	D23COK2	
18	Vô Văn	Thiếp	59	TB	D23COK2	
19	Vô Minh	Thuận	57	TB	D23COK2	
20	Lê Mạnh	Tiến	63	TB	D23COK2	
21	Phạm Đức	Trọng	65	Khá	D23COK2	
22	Đặng Văn	Trung	68	Khá	D23COK2	
23	Trần Lê	Trung	63	TB	D23COK2	
24	Nguyễn Công	Trường	70	Khá	D23COK2	
25	Trần Việt	Trường	63	TB	D23COK2	
26	Lê Kim	Tuấn	78	Khá	D23COK2	
27	Đặng Anh	Tường	54	TB	D23COK2	
29	Lê Minh	Thuận	59	TB	D23COK2	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Cao	Bằng	77	Khả	D23COK3	
2	Nguyễn Anh	Dải	63	TB	D23COK3	
3	Nguyễn Công	Dang	65	Khả	D23COK3	
4	Phùng	Hào	65	Khả	D23COK3	
5	Nguyễn Văn	Hiếu	62	TB	D23COK3	
6	Lê Thái	Huy	58	TB	D23COK3	
7	Nguyễn Lê	Huy	63	TB	D23COK3	
8	Phạm Bà	Huy	60	TB	D23COK3	
9	Hoàng Minh	Khanh	53	TB	D23COK3	
10	Lê Văn	Lợi	65	Khả	D23COK3	
11	Lê Bình	Minh	63	TB	D23COK3	
12	Trần Nhật	Minh	53	TB	D23COK3	
13	Hồ Lê	Phát	63	TB	D23COK3	
14	Nguyễn Tuấn	Quốc	67	Khả	D23COK3	
15	Võ Việt	Thành	62	TB	D23COK3	
16	Trần Đức	Thăng	53	TB	D23COK3	
17	Lê Văn	Giăng	76	Khả	D23COK3	
18	Hồ Tuấn	Khiêm	67	Khả	D23COK3	
19	Võ Hồ Minh	Cường	63	TB	D23COK3	
20	Võ Hoài	Chính	58	TB	D23COK3	
21	Hồ Đỗ Anh	Hào	60	TB	D23COK3	
22	Đặng Hồng	Nguyễn	53	TB	D23COK3	
24	Huỳnh Quốc	Phong	63	TB	D23COK3	
25	Trần Công	Phong	60	TB	D23COK3	
26	Bùi Ngọc	Tân	60	TB	D23COK3	

TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Phan Nguyễn Duy	Thiên			D24COK1	Chuyển cơ sở
2	Bùi Trọng	Huy	89	Tốt	D24COK1	
3	Trần Phan	Huy	67	Khá	D24COK1	
4	Huỳnh Quốc	Luan	65	Khá	D24COK1	
5	Huỳnh Văn	Nhan	78	Khá	D24COK1	
6	Võ Hồ Minh	Quốc	68	Khá	D24COK1	
7	Nguyễn Tấn	Thuật	92	Xuất sắc	D24COK1	
8	Trần Văn	Toàn	74	Khá	D24COK1	
9	Lê Ngọc	Tươi	81	Tốt	D24COK1	
11	Trần Thanh	Trung	62	TB	D24COK1	
12	Lương Gia	Huy	71	Khá	D24COK1	
13	Phạm Anh	Nguyễn	73	Khá	D24COK1	
14	Lương Việt	Hòa	70	Khá	D24COK1	
15	Hồ Anh	Hoàng	71	Khá	D24COK1	
16	Trần Đức	Lương	75	Khá	D24COK1	
17	Đặng Trần Hoàng	Trung	70	Khá	D24COK1	
18	Nguyễn Xuân	Sum	76	Khá	D24COK1	
19	Đỗ Tiến	Đạt	67	Khá	D24COK1	
20	Sơ Minh	Châu	78	Khá	D24COK1	
22	Nguyễn Tấn	Hiếu	65	Khá	D24COK1	
23	Huỳnh Công	Duy	80	Tốt	D24COK1	
24	Trương Minh	Quốc	71	Khá	D24COK1	
25	Nguyễn Việt	Anh	73	Khá	D24COK1	
26	Nguyễn Văn	Phước	66	Khá	D24COK1	
27	Nguyễn Long	Nhật	67	Khá	D24COK1	
28	Châu Võ Anh	Tân	69	Khá	D24COK1	
29	Đỗ Thái	Học	73	Khá	D24COK1	
30	Trần Phi	Long	67	Khá	D24COK1	
31	Trần Gia	Kiệt	67	Khá	D24COK1	
32	Phan Minh	Phú	62	TB	D24COK1	
33	Mai Xuân	Trúc	82	Tốt	D24COK1	
34	Nguyễn Minh	Tiến	64	TB	D24COK1	
35	Đỗ Như	Nhan	77	Khá	D24COK1	
36	Phạm Sơn	Nguyễn	58	TB	D24COK1	
37	Dương Nhật	Minh	71	Khá	D24COK1	
38	Trần Quốc	Huy	62	TB	D24COK1	



39	24Q75102051136	Lê Văn Can	Can	71	Khả	D24COK1	
40	24Q75102051139	Lê Tấn Hoàng	Hoàng	71	Khả	D24COK1	
41	24Q75102051141	Nguyễn Ngọc Tiên	Tiên	77	Khả	D24COK1	
42	24Q75102051142	Nguyễn Huy Tuấn	Tuấn	100	Xuất sắc	D24COK1	
43	24Q75102051143	Trần Phạm Duy Hưng	Hưng	68	Khả	D24COK1	
44	24Q75102051144	Công Đức Tài	Danh	62	TB	D24COK1	
45	24Q75102051145	Nguyễn Hoàng Việt	Việt	62	TB	D24COK1	
46	24Q75102051150	Nguyễn Phạm Duy Thanh	Thanh	68	Khả	D24COK1	
47	24Q75102051151	Nguyễn Hữu Thịnh	Thịnh	85	Tốt	D24COK1	
48	24Q75102051152	Lê Trọng Quý	Quý	77	Khả	D24COK1	
49	24Q75102051153	Trần Quốc Thanh	Thanh	68	Khả	D24COK1	
50	24Q75102051154	Nguyễn Quốc Dũng	Dũng	73	Khả	D24COK1	
51	24Q75102051155	Phan Ngọc Nhất	Nhất	68	Khả	D24COK1	
52	24Q75102051162	Nguyễn Trung Thành	Thành	68	Khả	D24COK1	
53	24Q75102051245	Lê Hữu Thiện	Thiện	72	Khả	D24COK1	
56	24Q75102051254	Lê Quốc Khải	Khải	50	TB	D24COK1	Bảo lưu
57	24Q75102051256	Nguyễn Quốc Trường	Trường	71	Khả	D24COK1	
58	24Q75102056001	Nguyễn Văn Hưng	Hưng	64	TB	D24COK1	
59	24Q75102056002	Huỳnh Tiên Phát	Phát			D24COK1	Chuyên trường về

TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Võ Lê Minh	Đức	58	TB	D24COK2	
2	Nguyễn Văn	Can	68	Khả	D24COK2	
3	Văn Tiến	Đạt	52	TB	D24COK2	
4	Nguyễn Gia	Min	52	TB	D24COK2	
5	Nguyễn Văn	Kim	74	Khả	D24COK2	
6	Thái Quốc	Cường	65	Khả	D24COK2	
7	Nguyễn Sông	Hiên	67	Khả	D24COK2	
8	Nguyễn Anh	Khoa	62	TB	D24COK2	
11	Nguyễn Thế	Vinh	61	TB	D24COK2	
12	Mạnh Tân	Đạt	52	TB	D24COK2	
13	Đặng Trường Lê	Giang	56	TB	D24COK2	
14	Trần Minh	Kiệt	56	TB	D24COK2	
15	Trần Chí	Thần	72	Khả	D24COK2	
16	Lê Ngọc	Hải	58	TB	D24COK2	
17	Nguyễn Kiều Phúc	Duy	52	TB	D24COK2	
18	Nguyễn Mạnh	Tuân	52	TB	D24COK2	
19	Đặng Thái	Dương	62	TB	D24COK2	
20	Phạm Ngọc	Long	55	TB	D24COK2	
21	Nguyễn Võ Đan	Trường	57	TB	D24COK2	
22	Trần Hoàng	Tin	52	TB	D24COK2	
23	Ngô Cao Thành	Danh	77	Khả	D24COK2	
24	Phan Thanh	Tuân	53	TB	D24COK2	
25	Trà Nguyễn Hoàng	Kim	72	Khả	D24COK2	
26	Lê Minh	Triết	59	TB	D24COK2	
27	Đặng Anh	Nguyễn	55	TB	D24COK2	
28	Nguyễn Phạm Duy	Đạt	52	TB	D24COK2	
30	Trần Thái	Nguyễn	52	TB	D24COK2	
31	Huỳnh Văn	Đạt	67	Khả	D24COK2	
32	Phạm Chí	Hương	52	TB	D24COK2	
33	Nguyễn Vũ	Duy	52	TB	D24COK2	
34	Nguyễn Tấn	Hoàng	58	TB	D24COK2	
35	Võ Huỳnh	Đức	52	TB	D24COK2	
36	Nguyễn Quốc	Thăng	62	TB	D24COK2	
37	Ngô Văn	Liêm	52	TB	D24COK2	
38	Huỳnh Trọng	Tin	74	Khả	D24COK2	
39	Võ Nguyễn Hải	Phú	55	TB	D24COK2	



40	24Q75102051121	Vô Chí	Diễn	73	Khả	D24COK2	
41	24Q75102051122	Phan Tiến	Tuần	66	Khả	D24COK2	
42	24Q75102051123	Lê Trung	Tin	62	TB	D24COK2	
43	24Q75102051124	Nguyễn Quốc	Bảo	57	TB	D24COK2	
44	24Q75102051125	Đặng	Pin	59	TB	D24COK2	
45	24Q75102051126	Nguyễn Nhật	Trương	60	TB	D24COK2	
46	24Q75102051127	Lương Công	Tài	64	TB	D24COK2	
47	24Q75102051128	Huỳnh Trọng	Khai	57	TB	D24COK2	
48	24Q75102051129	Nguyễn Hoàng	Vũ	55	TB	D24COK2	
49	24Q75102051130	Lê Ngọc	Thịnh	70	Khả	D24COK2	
50	24Q75102051138	Nguyễn Cao	Thái	65	Khả	D24COK2	
51	24Q75102051147	Trương Quốc	Thanh	53	TB	D24COK2	
52	24Q75102051149	Nguyễn Văn	Hung	52	TB	D24COK2	
53	24Q75102051156	Nguyễn Quốc	Bảo	71	Khả	D24COK2	
54	24Q75102051157	Lưu Tấn	Sang	55	TB	D24COK2	
55	24Q75102051158	Bùi Đoàn Thái	Phong	61	TB	D24COK2	
56	24Q75102051160	Trần Huy	Hoàng	52	TB	D24COK2	
57	24Q75102051161	Nguyễn Anh	Quân	55	TB	D24COK2	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Lê Trọng	Khải	73	Khá	D23TDK1	
2	Nguyễn Lê	Tiến	77	Khá	D23TDK1	
3	Lê Trọng	Tin	82	Tốt	D23TDK1	
4	Trần Việt Gia	Bao	93	Xuất sắc	D23TDK1	
5	Trần Văn	Hiệu	81	Tốt	D23TDK1	
6	Nguyễn Đức	Hải	89	Tốt	D23TDK1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Trần Gia	Huy	71	Khá	D24TDK1	
2	Nguyễn Văn	Nam			D24TDK1	Nhập học muộn
3	Nguyễn Văn	Phùng	54	TB	D24TDK1	
4	Nguyễn Hoàng	Thành	46	Yếu	D24TDK1	
5	Nguyễn Tuấn	Vi	57	TB	D24TDK1	
6	Nguyễn Hoàng	Bách	82	Tốt	D24TDK1	
7	Lê Đức	Mẫn	60	TB	D24TDK1	
8	Võ Văn	Nghĩa	71	Khá	D24TDK1	
9	Luong Tuấn	Kiệt			D24TDK1	Nhập học muộn
10	Phạm Thanh	An	52	TB	D24TDK1	
11	Lê Văn	Vàng	96	Xuất sắc	D24TDK1	
12	Trần Tiến	Khương	97	Xuất sắc	D24TDK1	
13	Đỗ Minh	Nhật	66	Khá	D24TDK1	
14	Đặng Ngọc	Khôi	59	TB	D24TDK1	
15	Lê Vũ Hoàng	Lân	86	Tốt	D24TDK1	
16	Ngô Minh	Thuận	58	TB	D24TDK1	
17	Lê Trung	Hưng	81	Tốt	D24TDK1	
18	Lê Đức	Trọng	65	Khá	D24TDK1	
19	Lê Trần Minh	Thiên	57	TB	D24TDK1	
20	Nguyễn Công	Hậu	59	TB	D24TDK1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Lê Hoài	Ân	81	Tốt	D21CTC1	
2	Đặng Hùng	Dũng	66	Khá	D21CTC1	
3	Nguyễn Như	Quỳnh	91	Xuất sắc	D21CTC1	
4	Lê Hoàng	Vi	58	TB	D21CTC1	
5	Trần Bảo	Khanh	81	Tốt	D21CTC1	
6	Nguyễn Đăng	Hải	66	Khá	D21CTC1	
7	Phạm Thị Huyền	Mai	66	Khá	D21CTC1	
8	Đặng Chí	Toàn	73	Khá	D21CTC1	
9	Trương Minh	Tâm	71	Khá	D21CTC1	
10	Lê Khánh	Trình	91	Xuất sắc	D21CTC1	
11	Nguyễn Võ Anh	Kiệt	73	Khá	D21CTC1	
12	Nguyễn Ngọc Duy	Phong	73	Khá	D21CTC1	
13	Phan Tấn	Phúc	78	Khá	D21CTC1	
14	Trần Hữu	Tỉnh	75	Khá	D21CTC1	
15	Võ Ngọc Hoàng Thiên	Bao	89	Tốt	D21CTC1	
16	Nguyễn Anh	Nhật	78	Khá	D21CTC1	
17	Phan Lâm	Kỳ	71	Khá	D21CTC1	
18	Nguyễn Văn	Hoàng	69	Khá	D21CTC1	
19	Nguyễn Mạnh	Hung	69	Khá	D21CTC1	
20	Phạm Huỳnh	Chi	73	Khá	D21CTC1	
21	Võ Xuân	Tuân	91	Xuất sắc	D21CTC1	
22	Nguyễn Văn	Sang	81	Tốt	D21CTC1	
23	Lê Đức	Kiên	69	Khá	D21CTC1	
24	Nguyễn Trùng	Đạt	76	Khá	D21CTC1	
25	Lê Quang	Văn	69	Khá	D21CTC1	
26	Huỳnh Trung	Nguyễn	74	Khá	D21CTC1	
27	Lê Minh	Quỳnh	73	Khá	D21CTC1	
28	Nguyễn Văn	Thiên	69	Khá	D21CTC1	
29	Lê Châu	Hải	69	Khá	D21CTC1	
30	Hà Quốc	Toàn	72	Khá	D21CTC1	
31	Phạm Ngọc	Thành	73	Khá	D21CTC1	
32	Lê Quốc	Đạt	71	Khá	D21CTC1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Dương Quốc	Bảo	74	Khá	D23CTC1	
2	Nguyễn Hà Quang	Bình	72	Khá	D23CTC1	
3	Nguyễn Hoàng	Danh	73	Khá	D23CTC1	
4	Trần Quốc	Dũng	65	Khá	D23CTC1	
5	Huỳnh Tiến	Đạt	80	Tốt	D23CTC1	
6	Võ Nguyễn	Hải	67	Khá	D23CTC1	
7	Huỳnh Gia	Hào	79	Khá	D23CTC1	
8	Nguyễn Thái	Học	73	Khá	D23CTC1	
9	Nguyễn Ngọc	Huy	69	Khá	D23CTC1	
10	Trần Tuấn	Hung	67	Khá	D23CTC1	
11	Lê Huỳnh Phúc	Khang	72	Khá	D23CTC1	
12	Rồ Ô	Nâu	69	Khá	D23CTC1	
13	Nguyễn Thế	Nhật	76	Khá	D23CTC1	
14	Nguyễn Nữ Hồng	Nhung	91	Xuất sắc	D23CTC1	
15	Mai Tư	Pháp	72	Khá	D23CTC1	
16	Lê Hoàng Đại	Phát	80	Tốt	D23CTC1	
17	Trần Dương	Phong	74	Khá	D23CTC1	
18	Phan Anh	Quyên	50	TB	D23CTC1	
19	Cao Thái	Son	67	Khá	D23CTC1	
20	Lê Ngọc	Tài	71	Khá	D23CTC1	
21	Trương Thị Thanh	Tâm	50	TB	D23CTC1	
22	Lê Duy	Thăng	78	Khá	D23CTC1	
23	Vũ Thanh	Tĩnh	57	TB	D23CTC1	
24	Trần Minh	Tri	69	Khá	D23CTC1	
25	Nguyễn Xuân	Trường	75	Khá	D23CTC1	
26	Nguyễn Đình	Tuyền	78	Khá	D23CTC1	
27	Nguyễn Quốc	Bảo	72	Khá	D23CTC1	
28	Trần Minh	Đình	69	Khá	D23CTC1	
29	Phan Tấn	Kiệt	79	Khá	D23CTC1	
30	Nguyễn Ngọc	Thiên	69	Khá	D23CTC1	
31	Nguyễn Như Hồng	Hành	80	Tốt	D23CTC1	
33	Nguyễn Thái	Phú	65	Khá	D23CTC1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Quang	Duy	65	Khá	D23CTC2	
2	Nguyễn Trọng Tiến	Huy	78	Khá	D23CTC2	
3	Trần Đình	Khoi	83	Tốt	D23CTC2	
4	Nguyễn Lê Hải	Triều	94	Xuất sắc	D23CTC2	
5	Trình Lâm	Ngân	72	Khá	D23CTC2	
6	Nguyễn Hồng	Tín	84	Tốt	D23CTC2	

1	24Q74802011002	Nguyễn Anh	Minh	60	TB	D24CTC1	
2	24Q74802011006	Nguyễn Phi	Hùng	85	Tốt	D24CTC1	
3	24Q74802011008	Trần Nhật	Huy	76	Khả	D24CTC1	
4	24Q74802011013	Nguyễn Văn	Toàn	61	TB	D24CTC1	
5	24Q74802011021	Nguyễn Tiến	Thành	64	TB	D24CTC1	
6	24Q74802011022	Nguyễn Hoàng	Long	58	TB	D24CTC1	
7	24Q74802011023	Phạm Minh	Đang	69	Khả	D24CTC1	
8	24Q74802011025	Nguyễn Văn	Bôn	61	TB	D24CTC1	
9	24Q74802011026	Nguyễn Thành	Đạt	60	TB	D24CTC1	
10	24Q74802011027	Nguyễn Đức	Cường	63	TB	D24CTC1	
11	24Q74802011028	Trương Thị Anh	Thư	89	Tốt	D24CTC1	
12	24Q74802011029	Lê Văn	Thành	58	TB	D24CTC1	
13	24Q74802011030	Lê Thanh	Hùng	68	Khả	D24CTC1	
14	24Q74802011032	Phạm Diệp Gia	Bảo	63	TB	D24CTC1	
15	24Q74802011033	Phan Văn	Đông	76	Khả	D24CTC1	
16	24Q74802011034	Nguyễn Đức	Duy	67	Khả	D24CTC1	
17	24Q74802011036	Lương Đăng	Khoa	58	TB	D24CTC1	
18	24Q74802011037	Nguyễn Khắc	Duy	58	TB	D24CTC1	
19	24Q74802011038	Nguyễn Duy	Phone	61	TB	D24CTC1	
20	24Q74802011039	Đặng Văn	Điện	69	Khả	D24CTC1	
21	24Q74802011040	Trần Đăng	Hiên	68	Khả	D24CTC1	
22	24Q74802011041	Nguyễn Lê Hải	Duy	69	Khả	D24CTC1	
23	24Q74802011042	Nguyễn Tấn	Tài	63	TB	D24CTC1	
24	24Q74802011045	Nguyễn Phú	Chi	77	Khả	D24CTC1	
25	24Q74802011046	Huỳnh Cao Yến	Như	95	Xuất sắc	D24CTC1	
26	24Q74802011047	Ngô Hữu	Thành	61	TB	D24CTC1	
27	24Q74802011049	Nguyễn Hữu	Tròng	66	Khả	D24CTC1	
28	24Q74802011065	Nguyễn Thành	Ân	71	Khả	D24CTC1	
29	24Q74802011069	Nguyễn Trịnh Anh	Hào	64	TB	D24CTC1	
30	24Q74802011070	Biên Quang	Khang	61	TB	D24CTC1	
31	24Q74802011071	Trần Văn	Phi	64	TB	D24CTC1	
32	24Q74802011074	Nguyễn Huỳnh	Quyen	78	Khả	D24CTC1	
33	24Q74802011077	Nguyễn Thanh	Triệu	64	TB	D24CTC1	
34	24Q74802011083	Huỳnh Quang	Bảo	64	TB	D24CTC1	
35	24Q74802011090	Nguyễn Thành	Vinh	65	Khả	D24CTC1	
36	24Q74802011091	Trần Xuân	Ân	92	Xuất sắc	D24CTC1	



37	24Q74802011092	Phan Hoàng Bảo	Tin	69	Khá	D24CTC1	
38	24Q74802011093	Nguyễn Tuấn	Kiệt	73	Khá	D24CTC1	
39	24Q74802011094	Nguyễn Xuân	Dại	76	Khá	D24CTC1	
40	24Q74802011095	Nguyễn Hoài	Anh	61	TB	D24CTC1	
41	24Q74802011103	Nguyễn Bùi	Cường	83	Tốt	D24CTC1	
42	24Q74802011104	Nguyễn Anh	Khoa	67	Khá	D24CTC1	
43	24Q74802011105	Nguyễn Tiến	Phát	64	TB	D24CTC1	
44	24Q74802011106	Nguyễn Văn	Nhứt	63	TB	D24CTC1	
45	24Q74802011107	Trần Quốc	Tùng	53	TB	D24CTC1	
46	24Q74802012001	Nguyễn Trần	Tuân	72	Khá	D24CTC1	
47	24Q74802012006	Tà Vũ Minh	Nhật	65	Khá	D24CTC1	
48	24Q74802012007	Hàn Quốc	Hoàng	72	Khá	D24CTC1	
49	24Q74802013001	Nguyễn Văn	Sang	58	TB	D24CTC1	
50	24Q74802013005	Phạm Văn	Hiệp	73	Khá	D24CTC1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Đỗ Đại	Dương	56	TB	D24CTC2	
2	Phạm Nguyễn Chí	Trung	53	TB	D24CTC2	

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025
(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXD-MT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

KHOA HẠ TẦNG KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ

TT	STT	Xuất sắc	%	Tốt	%	Khá	%	TB	%	Yếu	%	Kém	%	Số SV được xét	Số SV chưa xét
1	D21CDK1	3	16.67%	1	5.56%	7	38.89%	7	38.89%	0	0%	0	0%	18	0
2	D22CDK1	3	16.67%	3	16.67%	4	22.22%	7	38.89%	0	0%	0	0%	17	1
3	D23CDK1	2	8.7%	1	4.35%	4	17.39%	15	65.22%	0	0%	0	0%	22	1
4	D24CDK1	0	0%	2	7.41%	8	29.63%	16	59.26%	0	0%	0	0%	26	1
5	D21CNK1	1	50%	0	0%	1	50%	0	0%	0	0%	0	0%	2	0
6	D23CNK1	1	20%	1	20%	1	20%	2	40%	0	0%	0	0%	5	0
7	D24CNK1	2	40%	0	0%	2	40%	1	20%	0	0%	0	0%	5	0
8	D21XCK1	1	16.67%	2	33.33%	3	50%	0	0%	0	0%	0	0%	6	0
9	D22XCK1	0	0%	0	0%	5	100%	0	0%	0	0%	0	0%	5	0
10	D23COK1	0	0%	4	12.9%	26	83.87%	0	0%	0	0%	0	0%	30	1
11	D23COK2	0	0%	0	0%	13	46.43%	15	53.57%	0	0%	0	0%	28	0
12	D23COK3	0	0%	0	0%	7	28%	18	72%	0	0%	0	0%	25	0
13	D24COK1	2	3.64%	5	9.09%	37	67.27%	9	16.36%	0	0%	0	0%	53	2
14	D24COK2	0	0%	0	0%	14	25.93%	40	74.07%	0	0%	0	0%	54	0
15	D23TDK1	1	16.67%	3	50%	2	33.33%	0	0%	0	0%	0	0%	6	0
16	D24TDK1	2	10%	3	15%	4	20%	8	40%	1	5%	0	0%	18	2
17	D21CTC1	3	9.38%	4	12.5%	24	75%	1	3.13%	0	0%	0	0%	32	0
18	D22CTC1	3	8.57%	1	2.86%	11	31.43%	20	57.14%	0	0%	0	0%	35	0
19	D23CTC1	1	3.13%	3	9.38%	25	78.13%	3	9.38%	0	0%	0	0%	32	0
20	D23CTC2	1	16.67%	2	33.33%	3	50%	0	0%	0	0%	0	0%	6	0
21	D23CTC4	0	0%	0	0%	3	75%	1	25%	0	0%	0	0%	4	0
22	D24CTC1	2	4%	3	6%	21	42%	24	48%	0	0%	0	0%	50	0
23	D24CTC2	0	0%	0	0%	0	0%	2	100%	0	0%	0	0%	2	0
TỔNG CỘNG		489	28	38	7.77%	225	46.01%	189	38.65%	1	0.2%	0	0%	481	8



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Đức	Thăng	100	Xuất sắc	D21CDK1	
2	Nguyễn Quốc	Huy	62	TB	D21CDK1	
3	Phạm Hùng	Dũng	56	TB	D21CDK1	
4	Lương Văn	Đoan	60	TB	D21CDK1	
5	Hồ Tiến	Phát	82	Tốt	D21CDK1	
6	Nguyễn Trọng	Khải	60	TB	D21CDK1	
7	Trần Ngọc Hà	Nam	73	Khá	D21CDK1	
8	Võ Nguyễn Thành	Nam	62	TB	D21CDK1	
9	Nguyễn Lê Đình	Huy	91	Xuất sắc	D21CDK1	
10	Nguyễn Lê Hoài	Phong	65	Khá	D21CDK1	
11	Trần Ngọc	Hải	65	Khá	D21CDK1	
12	Vũ Hoài	Nam	100	Xuất sắc	D21CDK1	
13	Lê Ngọc	Tỉnh	60	TB	D21CDK1	
14	Võ Chí	Thương	66	Khá	D21CDK1	
15	Ngô Xuân	Lộc	75	Khá	D21CDK1	
16	Hồ Nguyễn	Đan	65	Khá	D21CDK1	
17	Lê Trọng	Huy	62	TB	D21CDK1	
19	Nguyễn Trọng	Nghĩa	65	Khá	D21CDK1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Phan Trọng	Bằng	83	Tốt	D22CDK1	
2	Thái Văn	Bình	59	TB	D22CDK1	
3	Võ Thái	Bình	70	Khá	D22CDK1	
4	Huỳnh Đức	Cường	70	Khá	D22CDK1	
5	Nguyễn Văn	Hiền	74	Khá	D22CDK1	
6	Đào Trọng	Hoàng	81	Tốt	D22CDK1	
7	Phan Thành	Học	93	Xuất sắc	D22CDK1	
8	Võ Hoàng	Nguyễn	72	Khá	D22CDK1	
9	Lê Văn	Phú	93	Xuất sắc	D22CDK1	
10	Nguyễn Kiều Bảo	Phúc	60	TB	D22CDK1	
11	Lâm Nguyễn Công	Thanh	89	Tốt	D22CDK1	
12	Nguyễn Quốc	Thông	93	Xuất sắc	D22CDK1	
13	Võ Nguyễn	Tú	56	TB	D22CDK1	
14	Nguyễn Hoài	Luan	60	TB	D22CDK1	
15	Nguyễn Anh	Quân	56	TB	D22CDK1	
16	Đặng Ngọc	Thoán	61	TB	D22CDK1	
17	Đặng Nguyễn	Vy	61	TB	D22CDK1	
18	Trần Đức	Hào			D22CDK1	Bảo lưu



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Phạm Thành	Công	72	Khá	D23CDK1	
2	Trần Văn	Diệp	83	Tốt	D23CDK1	
3	Đỗ Đức	Hậu	59	TB	D23CDK1	
4	Phan Công	Hậu	59	TB	D23CDK1	
5	Phan Trần	Hiếu	59	TB	D23CDK1	
6	Trần Mai Trường	Huy	62	TB	D23CDK1	
7	Trần Quốc	Long	56	TB	D23CDK1	
8	Trần Nguyễn Anh	Quân	59	TB	D23CDK1	
9	Nguyễn Văn	Thăng	63	TB	D23CDK1	
10	Võ Ngọc	Thăng	63	TB	D23CDK1	
11	Văn Ngọc	Tiến	61	TB	D23CDK1	
12	Văn Ngọc	Tinh	64	TB	D23CDK1	
13	Hồ Hoàng	Vũ	66	Khá	D23CDK1	
14	Trần	Hoàng	59	TB	D23CDK1	
15	Nguyễn Hữu	Tinh	61	TB	D23CDK1	
16	Nguyễn Hoài	Nam	59	TB	D23CDK1	
17	Lê Quốc	Vương	61	TB	D23CDK1	
18	Nguyễn Đại	Gia	91	Xuất sắc	D23CDK1	
19	Nguyễn Quốc	Triển	71	Khá	D23CDK1	
20	Nguyễn Văn	Tiến	93	Xuất sắc	D23CDK1	
22	Nguyễn Gia	Hào	65	Khá	D23CDK1	
23	Võ Ngọc	Toàn	58	TB	D23CDK1	
24	Nguyễn Văn Phú	Dương			D23CDK1	Nhập học lại



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Văn	Toàn	66	Khá	D24CDK1	
2	Trịnh Quốc	Duy	65	Khá	D24CDK1	
3	Phạm Tấn	Bảo	55	TB	D24CDK1	
4	Nguyễn Phúc	Hậu	66	Khá	D24CDK1	
5	Lê Nguyễn Phú	Hưng	54	TB	D24CDK1	
6	Phan Đăng	Tiến	57	TB	D24CDK1	
7	Trần Văn	Lộc	55	TB	D24CDK1	
8	Phan Đức	Hiếu	71	Khá	D24CDK1	
9	Đặng Hoàng	Nhiên	62	TB	D24CDK1	
10	Phạm Huỳnh Quang	Triệu	74	Khá	D24CDK1	
11	Hồ Thanh	Tùng	51	TB	D24CDK1	
12	Phạm Ngọc	Nam	67	Khá	D24CDK1	
13	Võ Lâm Nhật	Tường	52	TB	D24CDK1	
14	Lê Thành	Phước	70	Khá	D24CDK1	
15	Nguyễn Thành	An	56	TB	D24CDK1	
16	Trần Hữu	Phúc	58	TB	D24CDK1	
17	Huỳnh Hoàng Anh	Dũng	55	TB	D24CDK1	
18	Huỳnh Anh	Kiệt	58	TB	D24CDK1	
19	Nguyễn Kiên	Bách	50	TB	D24CDK1	
20	Nguyễn Quốc	Cường	68	Khá	D24CDK1	
21	Lê Đình	Quý	55	TB	D24CDK1	
22	Ngô Gia	Phong	55	TB	D24CDK1	
23	Phạm Đình	Chiến	80	Tốt	D24CDK1	
24	Huỳnh Đức	Sâm	60	TB	D24CDK1	
25	Hồ Thị Hồng	Thương	50	TB	D24CDK1	
26	Nguyễn Phương	Linh	83	Tốt	D24CDK1	
27	Nguyễn Ngọc	Hào			D24CDK1	Nhập học muộn



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	98	Xuất sắc	D21CNK1	
2	21DQ5802131003	Ngô Anh	Tuấn	68	Khá	D21CNK1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM RẼN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025							
kèm theo Quyết định số /QĐ-BHXDMT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)							
TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú	
1	Phạm Lê Hà	Giang	91	Xuất sắc	D23CNK1		
2	Trần Văn	Hoài	59	TB	D23CNK1		
3	Nguyễn Văn	Tài	60	TB	D23CNK1		
4	Lương Hữu	Tiến	87	Tốt	D23CNK1		
5	Trần Ngọc	Hoàng	73	Khá	D23CNK1		





TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Văn	Long	73	Khá	D24CNK1	
2	Nguyễn Diệu Huyền	Trần	96	Xuất sắc	D24CNK1	
3	Ngô Trung	Kiên	91	Xuất sắc	D24CNK1	
4	Phan Văn	Thành	75	Khá	D24CNK1	
5	Đinh Duy	Viết	51	TB	D24CNK1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Trần Du	Nhật	84	Tốt	D21XCK1	
2	Phan Quốc	Huy	67	Khá	D21XCK1	
3	Lê Phi	Cường	71	Khá	D21XCK1	
4	Đình Thanh	Tin	76	Khá	D21XCK1	
5	Đình Phú	Thọ	91	Xuất sắc	D21XCK1	
6	Nguyễn Nhật Anh	Minh	84	Tốt	D21XCK1	

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM RẼN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025							kiểm, theo Quyết định số /QĐ-BHXD/MT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)	
TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú		
1	Nguyễn Văn	Dạt	75	Khá	D22XCK1			
2	Nguyễn Huỳnh Quang	Huy	67	Khá	D22XCK1			
3	Nguyễn Quốc	Thái	68	Khá	D22XCK1			
4	Nguyễn Văn	Thịnh	77	Khá	D22XCK1			
5	Lê Nhật	Tân	68	Khá	D22XCK1			



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Tuấn	Anh	69	Khá	D23COK1	
2	Nguyễn Da	Bao	69	Khá	D23COK1	
3	Nguyễn Công	Danh	72	Khá	D23COK1	
4	Phạm Chí	Dũng	87	Tốt	D23COK1	
5	Bùi Quốc	Duy	74	Khá	D23COK1	
6	Nguyễn Quốc	Đường	72	Khá	D23COK1	
7	Nguyễn Hồng	Hải	69	Khá	D23COK1	
8	Trần Minh	Hải	69	Khá	D23COK1	
9	Mai Tân Kim	Hân	74	Khá	D23COK1	
10	Nguyễn Hân	Hoan	86	Tốt	D23COK1	
11	Bùi Đoàn Quan	Hoàng	77	Khá	D23COK1	
12	Nguyễn Văn	Hội	83	Tốt	D23COK1	
13	Lê Văn	Huy	85	Tốt	D23COK1	
14	Trần Quốc	Huy	72	Khá	D23COK1	
15	Tô Đan	Hy	70	Khá	D23COK1	
16	Phan Huỳnh	Luân			D23COK1	Bảo lưu
17	Phan Sĩ	Luân	65	Khá	D23COK1	
18	Lê Minh	Nghĩa	72	Khá	D23COK1	
19	Lê Văn	Phát	77	Khá	D23COK1	
20	Luong Hoàng	Phong	69	Khá	D23COK1	
21	Nguyễn Tấn	Quốc	75	Khá	D23COK1	
22	Trần Quang	Tiến	70	Khá	D23COK1	
23	Huỳnh Văn	Tin	70	Khá	D23COK1	
24	Lê Xuân	Tinh	70	Khá	D23COK1	
25	Lê	Toàn	69	Khá	D23COK1	
26	Nguyễn Xuân	Trương	67	Khá	D23COK1	
27	Lê Lưu Anh	Tuân	67	Khá	D23COK1	
28	Từ Quốc	Việt	77	Khá	D23COK1	
29	Lê Quang	Vinh	75	Khá	D23COK1	
30	Nguyễn Trung Kỳ	Phi	70	Khá	D23COK1	
31	Nguyễn Quốc	Huy	67	Khá	D23COK1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Đinh Ngọc	Danh	68	Khá	D23COK2	
2	Phan Thanh	Duy	57	TB	D23COK2	
3	Trần Quốc	Hải	65	Khá	D23COK2	
4	Nguyễn Khắc	Hào	56	TB	D23COK2	
5	Lê Bảo Gia	Hân	59	TB	D23COK2	
6	Trương Minh	Hoàng	65	Khá	D23COK2	
7	Nguyễn Văn	Học	57	TB	D23COK2	
8	Chế Bùi Quốc	Huy	65	Khá	D23COK2	
9	Lê Công	Lâm	61	TB	D23COK2	
10	Nguyễn Tấn	Ngân	70	Khá	D23COK2	
11	Đỗ Minh	Nhơn	66	Khá	D23COK2	
12	Tô Thanh	Phước	68	Khá	D23COK2	
13	Phạm Huỳnh Hoài	Quang	57	TB	D23COK2	
14	Phan Châu	Tài	50	TB	D23COK2	
15	Ung Hoàng	Thành	55	TB	D23COK2	
16	Lê Huỳnh Đức	Thắng	70	Khá	D23COK2	
17	Trần Văn	Thắng	65	Khá	D23COK2	
18	Võ Văn	Thiệp	59	TB	D23COK2	
19	Võ Minh	Thuần	57	TB	D23COK2	
20	Lê Mạnh	Tiến	63	TB	D23COK2	
21	Phạm Đức	Trọng	65	Khá	D23COK2	
22	Đặng Văn	Trung	68	Khá	D23COK2	
23	Trần Lê	Trung	63	TB	D23COK2	
24	Nguyễn Công	Trương	70	Khá	D23COK2	
25	Trần Việt	Trương	63	TB	D23COK2	
26	Lê Kim	Thuần	78	Khá	D23COK2	
27	Đặng Anh	Trương	54	TB	D23COK2	
29	Lê Minh	Thuần	59	TB	D23COK2	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Cao	Bằng	77	Khá	D23COK3	
2	Nguyễn Anh	Đài	63	TB	D23COK3	
3	Nguyễn Công	Đang	65	Khá	D23COK3	
4	Phùng	Hào	65	Khá	D23COK3	
5	Nguyễn Văn	Hiếu	62	TB	D23COK3	
6	Lê Thái	Huy	58	TB	D23COK3	
7	Nguyễn Lê	Huy	63	TB	D23COK3	
8	Phạm Bá	Huy	60	TB	D23COK3	
9	Hoàng Minh	Khanh	53	TB	D23COK3	
10	Lê Văn	Lợi	65	Khá	D23COK3	
11	Lê Bình	Minh	63	TB	D23COK3	
12	Trần Nhật	Minh	53	TB	D23COK3	
13	Hồ Lê	Phát	63	TB	D23COK3	
14	Nguyễn Tuấn	Quốc	67	Khá	D23COK3	
15	Võ Việt	Thành	62	TB	D23COK3	
16	Trần Đức	Thành	53	TB	D23COK3	
17	Lê Văn	Giảng	76	Khá	D23COK3	
18	Hồ Tuấn	Khiêm	67	Khá	D23COK3	
19	Võ Hồ Minh	Cường	63	TB	D23COK3	
20	Võ Hoài	Chính	58	TB	D23COK3	
21	Hồ Đỗ Anh	Hào	60	TB	D23COK3	
22	Đặng Hồng	Nguyễn	53	TB	D23COK3	
24	Huỳnh Quốc	Phong	63	TB	D23COK3	
25	Trần Công	Phong	60	TB	D23COK3	
26	Bùi Ngọc	Tân	60	TB	D23COK3	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Phan Nguyễn Duy	Thiên			D24COK1	Chuyển cơ sở
2	Bùi Trọng	Huy	89	Tốt	D24COK1	
3	Trần Phan	Huy	67	Khá	D24COK1	
4	Huỳnh Quốc	Luan	65	Khá	D24COK1	
5	Huỳnh Văn	Nhan	78	Khá	D24COK1	
6	Võ Hồ Minh	Quốc	68	Khá	D24COK1	
7	Nguyễn Tân	Thuật	92	Xuất sắc	D24COK1	
8	Trần Văn	Toàn	74	Khá	D24COK1	
9	Lê Ngọc	Tươi	81	Tốt	D24COK1	
11	Trần Thanh	Trung	62	TB	D24COK1	
12	Lương Gia	Huy	71	Khá	D24COK1	
13	Phạm Anh	Nguyễn	73	Khá	D24COK1	
14	Lương Việt	Hòa	70	Khá	D24COK1	
15	Hồ Anh	Hoàng	71	Khá	D24COK1	
16	Trần Đức	Lương	75	Khá	D24COK1	
17	Đặng Trần Hoàng	Trung	70	Khá	D24COK1	
18	Nguyễn Xuân	Sum	76	Khá	D24COK1	
19	Đỗ Tiến	Đạt	67	Khá	D24COK1	
20	Sơ Minh	Châu	78	Khá	D24COK1	
22	Nguyễn Tân	Hiếu	65	Khá	D24COK1	
23	Huỳnh Công	Duy	80	Tốt	D24COK1	
24	Trương Minh	Quốc	71	Khá	D24COK1	
25	Nguyễn Việt	Anh	73	Khá	D24COK1	
26	Nguyễn Văn	Phước	66	Khá	D24COK1	
27	Nguyễn Long	Nhật	67	Khá	D24COK1	
28	Châu Võ Anh	Tân	69	Khá	D24COK1	
29	Đỗ Thái	Học	73	Khá	D24COK1	
30	Trần Phi	Long	67	Khá	D24COK1	
31	Trần Gia	Kiệt	67	Khá	D24COK1	
32	Phan Minh	Phú	62	TB	D24COK1	
33	Mai Xuân	Trúc	82	Tốt	D24COK1	
34	Nguyễn Minh	Tiến	64	TB	D24COK1	
35	Đỗ Như	Nhan	77	Khá	D24COK1	
36	Phạm Sơn	Nguyễn	58	TB	D24COK1	
37	Dương Nhật	Minh	71	Khá	D24COK1	
38	Trần Quốc	Huy	62	TB	D24COK1	

39	24Q75102051136	Lê Văn Can	Can	71	Khả	D24COKI	
40	24Q75102051139	Lê Tấn Hoàng	Hoàng	71	Khả	D24COKI	
41	24Q75102051141	Nguyễn Ngọc Tiên	Tiên	77	Khả	D24COKI	
42	24Q75102051142	Nguyễn Huy Tuấn	Tuấn	100	Xuất sắc	D24COKI	
43	24Q75102051143	Trần Phạm Duy Hưng	Hưng	68	Khả	D24COKI	
44	24Q75102051144	Công Đức Tài Danh	Danh	62	TB	D24COKI	
45	24Q75102051145	Nguyễn Hoàng Việt	Việt	62	TB	D24COKI	
46	24Q75102051150	Nguyễn Phạm Duy Thanh	Thanh	68	Khả	D24COKI	
47	24Q75102051151	Nguyễn Hữu Thịnh	Thịnh	85	Tốt	D24COKI	
48	24Q75102051152	Lê Trọng Quý	Quý	77	Khả	D24COKI	
49	24Q75102051153	Trần Quốc Thành	Thành	68	Khả	D24COKI	
50	24Q75102051154	Nguyễn Quốc Dũng	Dũng	73	Khả	D24COKI	
51	24Q75102051155	Phan Ngọc Nhật	Nhật	68	Khả	D24COKI	
52	24Q75102051162	Nguyễn Trung Thành	Thành	68	Khả	D24COKI	
53	24Q75102051245	Lê Hữu Thiên	Thiên	72	Khả	D24COKI	
56	24Q75102051254	Lê Quốc Khải	Khải	50	TB	D24COKI	Bảo lưu
57	24Q75102051256	Nguyễn Quốc Trường	Trường	71	Khả	D24COKI	
58	24Q75102056001	Nguyễn Văn Hưng	Hưng	64	TB	D24COKI	
59	24Q75102056002	Huỳnh Tiên Phát	Phát			D24COKI	Chuyên trường về



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Võ Lê Minh	Đức	58	TB	D24COK2	
2	Nguyễn Văn	Can	68	Khá	D24COK2	
3	Văn Tiến	Đạt	52	TB	D24COK2	
4	Nguyễn Gia	Mìn	52	TB	D24COK2	
5	Nguyễn Văn	Kim	74	Khá	D24COK2	
6	Thái Quốc	Cường	65	Khá	D24COK2	
7	Nguyễn Sông	Hiền	67	Khá	D24COK2	
8	Nguyễn Anh	Khoa	62	TB	D24COK2	
11	Nguyễn Thế	Vinh	61	TB	D24COK2	
12	Mạnh Tân	Đạt	52	TB	D24COK2	
13	Đặng Trường Lê	Giang	56	TB	D24COK2	
14	Trần Minh	Kiệt	56	TB	D24COK2	
15	Trần Chi	Thần	72	Khá	D24COK2	
16	Lê Ngọc	Hai	58	TB	D24COK2	
17	Nguyễn Kiều Phúc	Duy	52	TB	D24COK2	
18	Nguyễn Mạnh	Tuân	52	TB	D24COK2	
19	Đặng Thái	Dương	62	TB	D24COK2	
20	Phạm Ngọc	Long	55	TB	D24COK2	
21	Nguyễn Võ Đan	Trường	57	TB	D24COK2	
22	Trần Hoàng	Tin	52	TB	D24COK2	
23	Ngô Cao Thành	Danh	77	Khá	D24COK2	
24	Phan Thanh	Tuân	53	TB	D24COK2	
25	Trà Nguyễn Hoàng	Kim	72	Khá	D24COK2	
26	Lê Minh	Triết	59	TB	D24COK2	
27	Đặng Anh	Nguyễn	55	TB	D24COK2	
28	Nguyễn Phạm Duy	Đạt	52	TB	D24COK2	
30	Trần Thái	Nguyễn	52	TB	D24COK2	
31	Nguyễn Văn	Đạt	67	Khá	D24COK2	
32	Phạm Chi	Hương	52	TB	D24COK2	
33	Nguyễn Vũ	Duy	52	TB	D24COK2	
34	Nguyễn Tân	Hoàng	58	TB	D24COK2	
35	Võ Huỳnh	Đức	52	TB	D24COK2	
36	Nguyễn Quốc	Thăng	62	TB	D24COK2	
37	Ngô Văn	Liêm	52	TB	D24COK2	
38	Huỳnh Trọng	Tin	74	Khá	D24COK2	
39	Võ Nguyễn Hải	Phú	55	TB	D24COK2	

40	24Q75102051121	Võ Chí	Diễn	73	Khá	D24COK2	
41	24Q75102051122	Phan Tiến	Tuần	66	Khá	D24COK2	
42	24Q75102051123	Lê Trung	Tín	62	TB	D24COK2	
43	24Q75102051124	Nguyễn Quốc	Bảo	57	TB	D24COK2	
44	24Q75102051125	Đặng	Pin	59	TB	D24COK2	
45	24Q75102051126	Nguyễn Nhật	Trùng	60	TB	D24COK2	
46	24Q75102051127	Lương Công	Tài	64	TB	D24COK2	
47	24Q75102051128	Huỳnh Trùng	Khoi	57	TB	D24COK2	
48	24Q75102051129	Nguyễn Hoàng	Vũ	55	TB	D24COK2	
49	24Q75102051130	Lê Ngọc	Thịnh	70	Khá	D24COK2	
50	24Q75102051138	Nguyễn Cao	Thái	65	Khá	D24COK2	
51	24Q75102051147	Trương Quốc	Thanh	53	TB	D24COK2	
52	24Q75102051149	Nguyễn Văn	Hung	52	TB	D24COK2	
53	24Q75102051156	Nguyễn Quốc	Bảo	71	Khá	D24COK2	
54	24Q75102051157	Lưu Tân	Sang	55	TB	D24COK2	
55	24Q75102051158	Bùi Đoàn Thái	Phong	61	TB	D24COK2	
56	24Q75102051160	Trần Huy	Hoàng	52	TB	D24COK2	
57	24Q75102051161	Nguyễn Anh	Quản	55	TB	D24COK2	

TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	Xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Lê Trọng	Khải	73	Khá	D23TDK1	
2	Nguyễn Lê	Tiến	77	Khá	D23TDK1	
3	Lê Trọng	Tin	82	Tốt	D23TDK1	
4	Trần Việt Gia	Bảo	93	Xuất sắc	D23TDK1	
5	Trần Văn	Hiệu	81	Tốt	D23TDK1	
6	Nguyễn Đức	Hải	89	Tốt	D23TDK1	





TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Trần Gia	Huy	71	Khá	D24TDK1	
2	Nguyễn Văn	Nam			D24TDK1	Nhập học muộn
3	Nguyễn Văn	Phùng	54	TB	D24TDK1	
4	Nguyễn Hoàng	Thành	46	Yếu	D24TDK1	
5	Nguyễn Tuấn	Vi	57	TB	D24TDK1	
6	Nguyễn Hoàng	Bách	82	Tốt	D24TDK1	
7	Lê Đức	Mẫn	60	TB	D24TDK1	
8	Võ Văn	Nghĩa	71	Khá	D24TDK1	
9	Lương Tuấn	Kiệt			D24TDK1	Nhập học muộn
10	Phạm Thanh	An	52	TB	D24TDK1	
11	Lê Văn	Vàng	96	Xuất sắc	D24TDK1	
12	Trần Tiến	Khương	97	Xuất sắc	D24TDK1	
13	Đỗ Minh	Nhật	66	Khá	D24TDK1	
14	Đặng Ngọc	Khôi	59	TB	D24TDK1	
15	Lê Vũ Hoàng	Lân	86	Tốt	D24TDK1	
16	Ngô Minh	Thuận	58	TB	D24TDK1	
17	Lê Trung	Hùng	81	Tốt	D24TDK1	
18	Lê Đức	Trọng	65	Khá	D24TDK1	
19	Lê Trần Minh	Thiên	57	TB	D24TDK1	
20	Nguyễn Công	Hậu	59	TB	D24TDK1	

TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Lê Hoài	Ân	81	Tốt	D21CTC1	
2	Đặng Hùng	Dũng	66	Khá	D21CTC1	
3	Nguyễn Như	Quỳnh	91	Xuất sắc	D21CTC1	
4	Lê Hoàng	Vĩ	58	TB	D21CTC1	
5	Trần Bảo	Khanh	81	Tốt	D21CTC1	
6	Nguyễn Đăng	Hải	66	Khá	D21CTC1	
7	Phạm Thị Huyền	Mai	66	Khá	D21CTC1	
8	Đặng Chí	Toàn	73	Khá	D21CTC1	
9	Trương Minh	Tâm	71	Khá	D21CTC1	
10	Lê Khánh	Trình	91	Xuất sắc	D21CTC1	
11	Nguyễn Võ Anh	Kiệt	73	Khá	D21CTC1	
12	Nguyễn Ngọc Duy	Phong	73	Khá	D21CTC1	
13	Phan Tấn	Phúc	78	Khá	D21CTC1	
14	Trần Hữu	Tĩnh	75	Khá	D21CTC1	
15	Võ Ngọc Hoàng Thiên	Bao	89	Tốt	D21CTC1	
16	Nguyễn Anh	Nhật	78	Khá	D21CTC1	
17	Phan Lâm	Kỳ	71	Khá	D21CTC1	
18	Nguyễn Văn	Hoàng	69	Khá	D21CTC1	
19	Nguyễn Mạnh	Hung	69	Khá	D21CTC1	
20	Phạm Huỳnh	Chi	73	Khá	D21CTC1	
21	Võ Xuân	Tuân	91	Xuất sắc	D21CTC1	
22	Nguyễn Văn	Sang	81	Tốt	D21CTC1	
23	Lê Đức	Kiên	69	Khá	D21CTC1	
24	Nguyễn Trọng	Đạt	76	Khá	D21CTC1	
25	Lê Quang	Văn	69	Khá	D21CTC1	
26	Huỳnh Trung	Nguyễn	74	Khá	D21CTC1	
27	Lê Minh	Quỳnh	73	Khá	D21CTC1	
28	Nguyễn Văn	Thiên	69	Khá	D21CTC1	
29	Lê Châu	Hải	69	Khá	D21CTC1	
30	Hà Quốc	Toàn	72	Khá	D21CTC1	
31	Phạm Ngọc	Thành	73	Khá	D21CTC1	
32	Lê Quốc	Đạt	71	Khá	D21CTC1	





TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Trần Thị Ngọc	Ánh	72	Khá	D22CTC1	
2	Nguyễn Thành	Danh	63	TB	D22CTC1	
3	Nguyễn Phạm Quốc	Doanh	96	Xuất sắc	D22CTC1	
4	Nguyễn Bá	Đoan	73	Khá	D22CTC1	
5	Huỳnh Thị Bích	Hân	72	Khá	D22CTC1	
6	Nguyễn Công	Hội	58	TB	D22CTC1	
7	Đặng Minh	Hùng	63	TB	D22CTC1	
8	Nguyễn Nhật	Huy	65	Khá	D22CTC1	
9	Trần Quốc	Huy	63	TB	D22CTC1	
10	Võ Phạm Kim	Huy	60	TB	D22CTC1	
11	Trần Kinh	Kha	62	TB	D22CTC1	
12	Phan Nhật	Khang	73	Khá	D22CTC1	
13	Đỗ Tuấn	Kiệt	73	Khá	D22CTC1	
14	Nguyễn Hoàng Thanh	Lịch	60	TB	D22CTC1	
15	Nguyễn Văn	Nam	58	TB	D22CTC1	
16	Lại Minh	Nghĩa	55	TB	D22CTC1	
17	Nguyễn Hoài	Ninh	57	TB	D22CTC1	
18	Trương Huỳnh	Phi	62	TB	D22CTC1	
19	Lê Thị Kim	Phụng	71	Khá	D22CTC1	
20	Võ Thị Kim	Sen	67	Khá	D22CTC1	
21	Nguyễn Trần Anh	Tài	60	TB	D22CTC1	
22	Nguyễn Thị Thanh	Tân	73	Khá	D22CTC1	
23	Nguyễn Thị Minh	Thư	62	TB	D22CTC1	
24	Phạm Minh	Tuân	60	TB	D22CTC1	
25	Đỗ Phúc	Tường	96	Xuất sắc	D22CTC1	
26	Nguyễn Hữu	Van	87	Tốt	D22CTC1	
27	Trần Hữu	Việt	62	TB	D22CTC1	
28	Nguyễn Quốc	Vinh	60	TB	D22CTC1	
29	Đinh Tường	Vũ	60	TB	D22CTC1	
30	Huỳnh Kim	Vương	60	TB	D22CTC1	
31	Lê Đăng	Danh	91	Xuất sắc	D22CTC1	
32	Trần Đình	Kiên	58	TB	D22CTC1	
33	Hồ Ngọc Mạnh	Quỳnh	68	Khá	D22CTC1	
34	Ngài Thành	Thiên	65	Khá	D22CTC1	
35	Huỳnh Tấn	Giăng	63	TB	D22CTC1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Dương Quốc	Bảo	74	Khá	D23CTC1	
2	Nguyễn Hà Quang	Bình	72	Khá	D23CTC1	
3	Nguyễn Hoàng	Danh	73	Khá	D23CTC1	
4	Trần Quốc	Dũng	65	Khá	D23CTC1	
5	Huỳnh Tiến	Đạt	80	Tốt	D23CTC1	
6	Võ Nguyễn	Hải	67	Khá	D23CTC1	
7	Huỳnh Gia	Hào	79	Khá	D23CTC1	
8	Nguyễn Thái	Học	73	Khá	D23CTC1	
9	Nguyễn Ngọc	Huy	69	Khá	D23CTC1	
10	Trần Tuấn	Hung	67	Khá	D23CTC1	
11	Lê Huỳnh Phúc	Khang	72	Khá	D23CTC1	
12	Rơ Ô	Nâu	69	Khá	D23CTC1	
13	Nguyễn Thế	Nhất	76	Khá	D23CTC1	
14	Nguyễn Nữ Hồng	Nhung	91	Xuất sắc	D23CTC1	
15	Mai Tư	Pháp	72	Khá	D23CTC1	
16	Lê Hoàng Đại	Phát	80	Tốt	D23CTC1	
17	Trần Dương	Phong	74	Khá	D23CTC1	
18	Phan Anh	Quyên	50	TB	D23CTC1	
19	Cao Thái	Son	67	Khá	D23CTC1	
20	Lê Ngọc	Tài	71	Khá	D23CTC1	
21	Trương Thị Thanh	Tâm	50	TB	D23CTC1	
22	Lê Duy	Thăng	78	Khá	D23CTC1	
23	Vũ Thanh	Tính	57	TB	D23CTC1	
24	Trần Minh	Tri	69	Khá	D23CTC1	
25	Nguyễn Xuân	Trường	75	Khá	D23CTC1	
26	Nguyễn Đình	Tuyền	78	Khá	D23CTC1	
27	Nguyễn Quốc	Bảo	72	Khá	D23CTC1	
28	Trần Minh	Đình	69	Khá	D23CTC1	
29	Phan Tấn	Kiệt	79	Khá	D23CTC1	
30	Nguyễn Ngọc	Thiên	69	Khá	D23CTC1	
31	Nguyễn Như Hồng	Hành	80	Tốt	D23CTC1	
33	Nguyễn Thái	Phú	65	Khá	D23CTC1	

TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Quang	Duy	65	Khá	D23CTC2	
2	Nguyễn Trọng Tiến	Huy	78	Khá	D23CTC2	
3	Trần Đình	Khoi	83	Tốt	D23CTC2	
4	Nguyễn Lê Hải	Triệu	94	Xuất sắc	D23CTC2	
5	Trình Lâm	Ngân	72	Khá	D23CTC2	
6	Nguyễn Hồng	Tin	84	Tốt	D23CTC2	





TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Võ Minh	Hiếu	50	TB	D23CTC4	
2	Nguyễn Lưu	Kiên	71	Khả	D23CTC4	
3	Trương Võ Hoài	Thái	73	Khả	D23CTC4	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Anh	Minh	60	TB	D24CTC1	
2	Nguyễn Phi	Hùng	85	Tốt	D24CTC1	
3	Trần Nhật	Huy	76	Khá	D24CTC1	
4	Nguyễn Văn	Toàn	61	TB	D24CTC1	
5	Nguyễn Tiến	Thành	64	TB	D24CTC1	
6	Nguyễn Hoàng	Long	58	TB	D24CTC1	
7	Phạm Minh	Đang	69	Khá	D24CTC1	
8	Nguyễn Văn	Bôn	61	TB	D24CTC1	
9	Nguyễn Thành	Đạt	60	TB	D24CTC1	
10	Nguyễn Đức	Cường	63	TB	D24CTC1	
11	Trương Thị Anh	Thư	89	Tốt	D24CTC1	
12	Lê Văn	Thành	58	TB	D24CTC1	
13	Lê Thanh	Hùng	68	Khá	D24CTC1	
14	Phạm Diệp Gia	Bảo	63	TB	D24CTC1	
15	Phan Văn	Đông	76	Khá	D24CTC1	
16	Nguyễn Đức	Duy	67	Khá	D24CTC1	
17	Lương Đăng	Khoa	58	TB	D24CTC1	
18	Nguyễn Khắc	Duy	58	TB	D24CTC1	
19	Nguyễn Duy	Phone	61	TB	D24CTC1	
20	Đặng Văn	Điện	69	Khá	D24CTC1	
21	Trần Đăng	Hiền	68	Khá	D24CTC1	
22	Nguyễn Lê Hải	Duy	69	Khá	D24CTC1	
23	Nguyễn Tân	Tài	63	TB	D24CTC1	
24	Nguyễn Phú	Chi	77	Khá	D24CTC1	
25	Huỳnh Cao Yên	Như	95	Xuất sắc	D24CTC1	
26	Ngô Hữu	Thành	61	TB	D24CTC1	
27	Nguyễn Hữu	Trọng	66	Khá	D24CTC1	
28	Nguyễn Thành	Ân	71	Khá	D24CTC1	
29	Nguyễn Trinh Anh	Hào	64	TB	D24CTC1	
30	Biển Quang	Khang	61	TB	D24CTC1	
31	Trần Văn	Phi	64	TB	D24CTC1	
32	Nguyễn Huỳnh	Quỳn	78	Khá	D24CTC1	
33	Nguyễn Thanh	Triệu	64	TB	D24CTC1	
34	Huỳnh Quang	Bảo	64	TB	D24CTC1	
35	Nguyễn Thành	Vinh	65	Khá	D24CTC1	
36	Trần Xuân	Ân	92	Xuất sắc	D24CTC1	

37	24Q74802011092	Phan Hoàng Bảo	Tin	69	Khả	D24CTCI	
38	24Q74802011093	Nguyễn Tuấn	Kiệt	73	Khả	D24CTCI	
39	24Q74802011094	Nguyễn Xuân	Đại	76	Khả	D24CTCI	
40	24Q74802011095	Nguyễn Hoài	Anh	61	TB	D24CTCI	
41	24Q74802011103	Nguyễn Bùi	Cường	83	Tốt	D24CTCI	
42	24Q74802011104	Nguyễn Anh	Khoa	67	Khả	D24CTCI	
43	24Q74802011105	Nguyễn Tiến	Phát	64	TB	D24CTCI	
44	24Q74802011106	Nguyễn Văn	Nhật	63	TB	D24CTCI	
45	24Q74802011107	Trần Quốc	Tùng	53	TB	D24CTCI	
46	24Q74802012001	Nguyễn Trần	Tuân	72	Khả	D24CTCI	
47	24Q74802012006	Tà Vũ Minh	Nhật	65	Khả	D24CTCI	
48	24Q74802012007	Hàn Quốc	Hoàng	72	Khả	D24CTCI	
49	24Q74802013001	Nguyễn Văn	Sang	58	TB	D24CTCI	
50	24Q74802013005	Phạm Văn	Hiệp	73	Khả	D24CTCI	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Đỗ Đại	Dương	56	TB	D24CTC2	
2	Phạm Nguyễn Chí	Trung	53	TB	D24CTC2	



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025
(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXD/MT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây Dựng Miền Trung)
KHOA KIẾN TRÚC

TT	Lớp	Sĩ số hiện tại	Xuất sắc	%	Tốt	%	Khá	%	TB	%	Yếu	%	Kém	%	Số SV được xét	Số SV chưa xét
1	D20KTR1	32	5	15.63%	4	12.5%	21	65.63%	1	3.13%	1	3.13%	0	0%	32	0
2	D21KTR1	34	0	0%	1	2.94%	10	29.41%	21	61.76%	2	5.88%	0	0%	34	0
3	D22KTR1	35	1	2.86%	6	17.14%	15	42.86%	13	37.14%	0	0%	0	0%	35	0
4	D23KTR1	30	0	0%	8	26.67%	14	46.67%	7	23.33%	1	3.33%	0	0%	30	0
5	D24KTR1	32	0	0%	5	15.63%	13	40.63%	9	28.13%	2	6.25%	0	0%	29	3
6	D21KNT1	14	1	7.14%	3	21.43%	7	50%	3	21.43%	0	0%	0	0%	14	0
7	D22KNT1	13	1	7.69%	3	23.08%	4	30.77%	5	38.46%	0	0%	0	0%	13	0
8	D23KNT1	15	1	6.67%	8	53.33%	3	20%	2	13.33%	1	6.67%	0	0%	15	0
9	D24KNT1	31	0	0%	1	3.23%	19	61.29%	8	25.81%	1	3.23%	0	0%	29	2
TỔNG CỘNG		236	9	3.81%	39	16.53%	106	44.92%	69	29.24%	8	3.39%	0	0%	231	5

TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Phạm Hoàng	Lâm	45	Yếu	D20KTR1	
2	Ngô Thanh	Dũng	72	Khá	D20KTR1	
3	Nguyễn Quốc	Duy	72	Khá	D20KTR1	
4	Hồ Thế Hoàng	Đức	72	Khá	D20KTR1	
5	Nguyễn Tân	Được	83	Tốt	D20KTR1	
6	Hoàng Văn	Hà	72	Khá	D20KTR1	
7	Nguyễn Thái Sơn	Hà	78	Khá	D20KTR1	
8	Đào Thái	Hải	80	Tốt	D20KTR1	
9	Nguyễn Long	Hùng	92	Xuất sắc	D20KTR1	
10	Trần Chí	Huy	78	Khá	D20KTR1	
11	Trần Văn	Quốc	74	Khá	D20KTR1	
12	Phan Tấn	Thắng	74	Khá	D20KTR1	
13	Nguyễn Trung	Thiên	85	Tốt	D20KTR1	
14	Trần Quốc	Thông	78	Khá	D20KTR1	
15	Tạ Thị Hoài	Thu	100	Xuất sắc	D20KTR1	
16	Trần Nhật	Trường	72	Khá	D20KTR1	
17	Trần Lê	Vy	98	Xuất sắc	D20KTR1	
18	Trương Việt	Hoàng	64	TB	D20KTR1	
19	Phạm Quốc	Hung	71	Khá	D20KTR1	
20	Hà Tâm	Sinh	69	Khá	D20KTR1	
21	Huỳnh	Tin	69	Khá	D20KTR1	
22	Trương Quốc	Toàn	71	Khá	D20KTR1	
23	Trịnh Gia	Bao	66	Khá	D20KTR1	
24	Lê Võ Phương	Duyên	80	Tốt	D20KTR1	
25	Nguyễn Ngọc	Thanh	71	Khá	D20KTR1	
26	Phan Thị Bảo	Trần	100	Xuất sắc	D20KTR1	
27	Nguyễn Thị	Hồng	96	Xuất sắc	D20KTR1	
28	Nguyễn Duy Hải	Lam	67	Khá	D20KTR1	
29	Huỳnh Gia	Huê	78	Khá	D20KTR1	
30	Phan Minh	Thiệt	72	Khá	D20KTR1	
31	Nguyễn Trọng	Tinh	76	Khá	D20KTR1	
32	Đỗ Ngọc Quỳnh	Ngân	75	Khá	D20KTR1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
----	--------	-----	---	----------	-----	---------

1	Võ Thị Quỳnh	Như	65	Khá	D21KTR1	
2	Lê Minh	Chiến	59	TB	D21KTR1	
3	Nguyễn Ngọc Huyền	My	67	Khá	D21KTR1	
4	Nguyễn Thu	Hòa	73	Khá	D21KTR1	
5	Nguyễn Thuận	Thiên	67	Khá	D21KTR1	
6	Trương Đức	Khang	57	TB	D21KTR1	
7	Đinh Minh	Ngọc	88	Tốt	D21KTR1	
8	Lê Anh	Tuấn	48	Yếu	D21KTR1	
9	Trần Trung	Hiếu	50	TB	D21KTR1	
10	Đỗ Minh	Vân	57	TB	D21KTR1	
11	Nguyễn Duy	Kiên	60	TB	D21KTR1	
12	Nguyễn Đào Anh	Quốc	73	Khá	D21KTR1	
13	Đỗ Thị Bảo	Chi	67	Khá	D21KTR1	
14	Nguyễn Thiên	Phú	60	TB	D21KTR1	
15	Võ Phan Nhật	Thăng	60	TB	D21KTR1	
16	Nguyễn Minh	Hữu	55	TB	D21KTR1	
17	Nguyễn Mai Xuân	Tam	57	TB	D21KTR1	
18	Võ Ngọc Hoài	Ánh	72	Khá	D21KTR1	
19	Nguyễn Đăng Hồng	Án	64	TB	D21KTR1	
20	Nguyễn Tiến	Ánh	52	TB	D21KTR1	
21	Tông Trần Thanh	Tùng	64	TB	D21KTR1	
22	LIENVONGSA	Phanphakon	58	TB	D21KTR1	
23	YONGBER	Kouya	62	TB	D21KTR1	
24	Nguyễn Vũ	Kỳ	64	TB	D21KTR1	
25	Huỳnh Xuân	Tuyền	57	TB	D21KTR1	
26	Nguyễn Đình	Nghĩa	57	TB	D21KTR1	
27	Đỗ Huỳnh	Phúc	52	TB	D21KTR1	
28	Trần Nguyễn Vũ	Kha	45	Yếu	D21KTR1	
29	Hồ Tấn	Phước	60	TB	D21KTR1	
30	Nguyễn Thị Thủy	Trâm	70	Khá	D21KTR1	
31	Mai Hoài	Nam	62	TB	D21KTR1	
32	Hoàng Nguyễn Thủy	Vy	73	Khá	D21KTR1	
33	Nguyễn Tấn	Vi	77	Khá	D21KTR1	
34	Nguyễn Đỗ Tấn	Bảo	57	TB	D21KTR1	

TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
----	--------	-----	---	----------	-----	---------

1	Phan Ngọc Thái	Bảo	65	Khá	D22KTR1	
2	Nguyễn Hoàng	Bình	58	TB	D22KTR1	
3	Trần Thị Thủy	Dung	81	Tốt	D22KTR1	
4	Đặng Thị Mỹ	Duyên	89	Tốt	D22KTR1	
5	Bùi Lê Hải	Đặng	75	Khá	D22KTR1	
6	Nguyễn Hữu	Đông	55	TB	D22KTR1	
7	Nguyễn Nguyễn Trường	Giang	52	TB	D22KTR1	
8	Nguyễn Thị Thu	Hiền	82	Tốt	D22KTR1	
9	Nguyễn Xuân	Hiền	71	Khá	D22KTR1	
10	Nguyễn Minh	Hoàng	82	Tốt	D22KTR1	
11	Nguyễn Ngọc	Huy	52	TB	D22KTR1	
12	Võ Văn	Huy	65	Khá	D22KTR1	
13	Nguyễn Nguyễn Trọng	Kha	61	TB	D22KTR1	
14	Trường Quốc	Khanh	65	Khá	D22KTR1	
15	Châu Ngọc	Linh	58	TB	D22KTR1	
16	Trần Đoàn Thanh	Lực	60	TB	D22KTR1	
17	Lê Thanh	Phong	73	Khá	D22KTR1	
18	Đoàn Minh	Quân	72	Khá	D22KTR1	
19	Nguyễn Đông	Quốc	68	Khá	D22KTR1	
20	Trương Văn	Quyển	65	Khá	D22KTR1	
21	Nguyễn Ngân	Sanh	71	Khá	D22KTR1	
22	Hồ Đăng	Tài	71	Khá	D22KTR1	
23	Nguyễn Đức	Tài	58	TB	D22KTR1	
24	Mai Thành	Tào	63	TB	D22KTR1	
25	Võ Văn	Thái	55	TB	D22KTR1	
26	Bùi Văn Đăng	Thị	60	TB	D22KTR1	
27	Đinh Hữu	Thuật	68	Khá	D22KTR1	
28	Nguyễn Vinh	Trường	58	TB	D22KTR1	
29	Nguyễn Nguyễn Ngọc	Tu	92	Xuất sắc	D22KTR1	
30	Nguyễn Minh	Tuân	71	Khá	D22KTR1	
31	Võ Văn Tường	Vy	80	Tốt	D22KTR1	
32	Nguyễn Minh	Hoàng	65	Khá	D22KTR1	
33	Lê Nguyễn Diệp	Uyên	69	Khá	D22KTR1	
34	Đặng Thanh	Chung	80	Tốt	D22KTR1	
35	Đặng Lê Tuấn	Kiệt	62	TB	D22KTR1	





TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Lê Gia	Bảo	63	TB	D23KTR1	
2	Phạm Ngọc	Hậu	65	Khả	D23KTR1	
3	Nguyễn Quốc	Hiếu	73	Khả	D23KTR1	
4	Mai Quốc	Kê	68	Khả	D23KTR1	
5	Đỗ Trường	Khang	84	Tốt	D23KTR1	
6	Võ Ngọc Thủy	Linh	77	Khả	D23KTR1	
7	Lê Văn	Lộc	86	Tốt	D23KTR1	
8	Phạm Thị Bích	Ngân	85	Tốt	D23KTR1	
9	Phan Tấn	Phon	83	Tốt	D23KTR1	
10	Huỳnh Đức	Phú	55	TB	D23KTR1	
11	Nguyễn Ngọc Hồng	Phúc	83	Tốt	D23KTR1	
12	Trần Trọng	Quý	64	TB	D23KTR1	
13	Nguyễn Minh	Thanh	54	TB	D23KTR1	
14	Nguyễn Chí	Thành	69	Khả	D23KTR1	
15	Lê Nguyễn Toàn	Thăng	65	Khả	D23KTR1	
16	Đoàn Thị Thu	Thủy	69	Khả	D23KTR1	
17	Nguyễn Quỳnh	Thư	71	Khả	D23KTR1	
18	Võ Lê	Toàn	45	Yếu	D23KTR1	
19	Phạm Dương Bảo	Trần	83	Tốt	D23KTR1	
20	Nguyễn Hữu	Vân	81	Tốt	D23KTR1	
21	Ngô Huỳnh Y	Vi	71	Khả	D23KTR1	
22	Nguyễn Quốc	Việt	72	Khả	D23KTR1	
23	Nguyễn Tân	Đạt	83	Tốt	D23KTR1	
24	Lê Minh	Thịnh	57	TB	D23KTR1	
25	Đào Nguyễn Minh	Túc	55	TB	D23KTR1	
26	Hoàng Ngọc Lâm	Thành	66	Khả	D23KTR1	
27	Nguyễn Đình	Tin	68	Khả	D23KTR1	
28	Bùi Dương	Chi	66	Khả	D23KTR1	
29	Lê Bà	Huy	71	Khả	D23KTR1	
30	K Long Nay	Tin	61	TB	D23KTR1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Bùi Mạnh	Khiêm	75	Khá	D24KTR1	
2	Võ Văn	Huy	78	Khá	D24KTR1	
3	Huỳnh Thị Bảo	Ngọc	67	Khá	D24KTR1	
4	Nguyễn Khánh	Tường	55	TB	D24KTR1	
5	Phạm Ngô Triều	Phú	69	Khá	D24KTR1	
6	Nguyễn Lê Thái	Pháp	88	Tốt	D24KTR1	
7	Trương Nguyễn Quốc	Việt	80	Tốt	D24KTR1	
8	Nguyễn Thành Nguyễn	Khanh	86	Tốt	D24KTR1	
9	Nguyễn Minh	Thư	80	Tốt	D24KTR1	
10	Phạm Thị Hoàng	Anh	66	Khá	D24KTR1	
11	Lê Ngọc Quỳnh	Phong	70	Khá	D24KTR1	
12	Nguyễn Minh	Thư	86	Tốt	D24KTR1	
13	Huỳnh Trương Gia	Tự	70	Khá	D24KTR1	
14	Nguyễn Văn	Quỳnh	57	TB	D24KTR1	
15	Nguyễn Hà	Bắc	60	TB	D24KTR1	
16	Huỳnh Ngọc	Anh	60	TB	D24KTR1	
17	Nguyễn Mạnh	Phát	61	TB	D24KTR1	
18	Võ Trường	Giang	79	Khá	D24KTR1	
19	Nguyễn Đoàn	Huân	62	TB	D24KTR1	
20	Nguyễn Đình	Chung	70	Khá	D24KTR1	
21	Hà Xuân	Nam	48	Yếu	D24KTR1	
22	Nguyễn Trọng	Tâm	61	TB	D24KTR1	
23	Dương Minh	Cường	77	Khá	D24KTR1	
24	Nguyễn Thị Thanh	Thao	75	Khá	D24KTR1	
25	Tô Công	Lý	69	Khá	D24KTR1	
26	Huỳnh Thị Nhạc Quế	Anh	79	Khá	D24KTR1	
27	Trần Xuân	Phát	54	TB	D24KTR1	
28	Trần Thanh	Tùng	52	TB	D24KTR1	
29	Nguyễn Quốc	Vinh	49	Yếu	D24KTR1	
30	Trà Nhất	Huy			D24KTR1	Nhập học lại
31	Huỳnh Dương	Nhất			D24KTR1	Nhập học muộn
32	Trần Phong	Khanh			D24KTR1	Nhập học muộn



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Trần Khánh	Huyền	65	Khá	D21KNT1	
2	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Tâm	82	Tốt	D21KNT1	
3	Nguyễn Thành	Quang	67	Khá	D21KNT1	
4	Phạm Đức	Nhân	91	Xuất sắc	D21KNT1	
5	Trần Tấn	Tài	69	Khá	D21KNT1	
6	Đặng Thị Thanh	Hà	79	Khá	D21KNT1	
7	Lê Trung	Kiên	80	Tốt	D21KNT1	
8	Nguyễn Thanh	Dương	65	Khá	D21KNT1	
9	Lê Mỹ	Duyên	73	Khá	D21KNT1	
10	Lê Doãn Bích	Ngân	82	Tốt	D21KNT1	
11	Đào Duy	Linh	67	Khá	D21KNT1	
12	Trần Ngọc	Lợi	64	TB	D21KNT1	
13	Phan Quỳnh	Huy	54	TB	D21KNT1	
14	Võ Trần	Sang	63	TB	D21KNT1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Võ Khánh	Băng	64	TB	D22KNT1	
2	Nguyễn Thành	Công	79	Khá	D22KNT1	
3	Võ Ngọc	Duy	64	TB	D22KNT1	
4	Bùi Văn	Giống	87	Tốt	D22KNT1	
5	Lê Thị Mỹ	Hoa	86	Tốt	D22KNT1	
6	Dương Thị Mỹ	Linh	87	Tốt	D22KNT1	
7	Trần Quang	Linh	76	Khá	D22KNT1	
8	Châu Bích Ngọc	Phuong	75	Khá	D22KNT1	
9	Tông Thị Bích	Phượng	73	Khá	D22KNT1	
10	Bùi Đức	Toàn	63	TB	D22KNT1	
11	Nguyễn Quốc	Toàn	90	Xuất sắc	D22KNT1	
12	Ngô Triêu	Vý	57	TB	D22KNT1	
13	Bào Nguyễn Đình	Vân	54	TB	D22KNT1	



TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	86	Tốt	D23KNT1	
2	Lê Văn	Chung	45	Yếu	D23KNT1	
3	Đoàn Ngô Anh	Hoa	83	Tốt	D23KNT1	
4	Võ Huy	Hoàng	57	TB	D23KNT1	
5	Lê Văn	Min	67	Khá	D23KNT1	
6	Vy Thị Minh	Nguyễn	83	Tốt	D23KNT1	
7	Trần Vĩnh	Thăng	86	Tốt	D23KNT1	
8	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	90	Xuất sắc	D23KNT1	
9	Trương Mỹ	Phạm	86	Tốt	D23KNT1	
10	Bùi Ngọc Thanh	Tuyền	83	Tốt	D23KNT1	
11	Phạm Minh	Chánh	83	Tốt	D23KNT1	
12	Nguyễn Xuân	Bìn	85	Tốt	D23KNT1	
13	Lê Kiên	Nhi	73	Khá	D23KNT1	
14	Nguyễn Khải	Lương	73	Khá	D23KNT1	
15	Trần Đỗ Nguyên	Vũ	54	TB	D23KNT1	

TT	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025	xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	Võ Lê	Hoàng	74	Khá	D24KNT1	
2	Cao Minh	Hùng	69	Khá	D24KNT1	
3	Trương Nhật Phương	Thảo	54	TB	D24KNT1	
4	Lê Trọng	Tuan	55	TB	D24KNT1	
5	Nguyễn Nhật	Cường	64	TB	D24KNT1	
6	Võ Quang	Thiên	67	Khá	D24KNT1	
7	Đào Huỳnh Đăng	Quân	62	TB	D24KNT1	
8	Huỳnh Đào Thục	Đoan	70	Khá	D24KNT1	
9	Võ Đông	Kha	57	TB	D24KNT1	
10	Nguyễn Lê Thanh	Trúc	65	Khá	D24KNT1	
11	Nguyễn Tân	Thịnh	65	Khá	D24KNT1	
12	Trịnh Minh	Khoa	62	TB	D24KNT1	
13	Phạm Đồng Anh	Đại	73	Khá	D24KNT1	
14	Phan Nguyễn Minh	Đăng	65	Khá	D24KNT1	
15	Võ Phúc	Hậu	65	Khá	D24KNT1	
16	Đoàn Kha	Tú	83	Tốt	D24KNT1	
17	Bùi Anh	Pháp	70	Khá	D24KNT1	
18	Huỳnh Ngọc	Hân	67	Khá	D24KNT1	
19	Nguyễn Thị Anh	Thư	67	Khá	D24KNT1	
20	Phùng Nguyễn Phúc	Trương	66	Khá	D24KNT1	
21	Lê Văn	Hội	69	Khá	D24KNT1	
22	Lê Thu	Hương	68	Khá	D24KNT1	
23	Lê Thị Diễm	Kiều	76	Khá	D24KNT1	
24	Lê Thị Hằng	Hiên	70	Khá	D24KNT1	
25	Võ Đình Khanh	Vy	65	Khá	D24KNT1	
26	Dương Trúc	Quỳnh	74	Khá	D24KNT1	
27	Trần Quốc	Huy	45	Yếu	D24KNT1	
28	Trương Nguyệt	Minh	57	TB	D24KNT1	
29	Nguyễn Ngọc	Đạt	62	TB	D24KNT1	
30	Nguyễn Ngọc Phúc	Toàn			D24KNT1	Nhập học muộn
31	Lê Quốc	Tinh			D24KNT1	Nhập học muộn

